

CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM



GIẢNG VIÊN: TS. TRẦN LONG

EMAIL: trlong60@gmail.com

MOBIL: 0918 292053

NGHIÊN CỨU: VĂN HOÁ & NGÔN NGỮ

CHUYÊN GIẢNG: TIẾNG VIỆT & VĂN HOÁ VIỆT NAM

**MÔN GIẢNG: MỸ HỌC, VĂN HOÁ DÂN GIAN, VĂN
HOÁ NÔNG THÔN, TRIẾT LÝ ÂM DƯƠNG, CƠ SỞ
VĂN HOÁ VIỆT NAM, LÝ THUYẾT VĂN BẢN, DẪN
LUẬN NGÔN NGỮ HỌC, TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH**

CẤU TRÚC HỌC PHẦN

- ❑ CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN
- ❑ CHƯƠNG II: VĂN HOÁ VẬT CHẤT
- ❑ CHƯƠNG III: VĂN HÓA TINH THẦN
- ❑ CHƯƠNG IV: VĂN HÓA XÃ HỘI
- ❑ CHƯƠNG V: TỔNG LUẬN

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN - TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM

1.1 Văn hóa - cơ sở lý luận

1.1.1 Khái niệm “văn hóa”

1.1.2 Đặc trưng của văn hoá

1.1.3 Chức năng của văn hoá

1.1.4 Cấu trúc của văn hoá

1.1.5 Một số khái niệm liên quan

Khái niệm văn hoá

*** Hàng trăm định nghĩa về văn hoá, tại sao?**

[Lý do chuyên ngành nghiên cứu. Lý do ngôn ngữ]

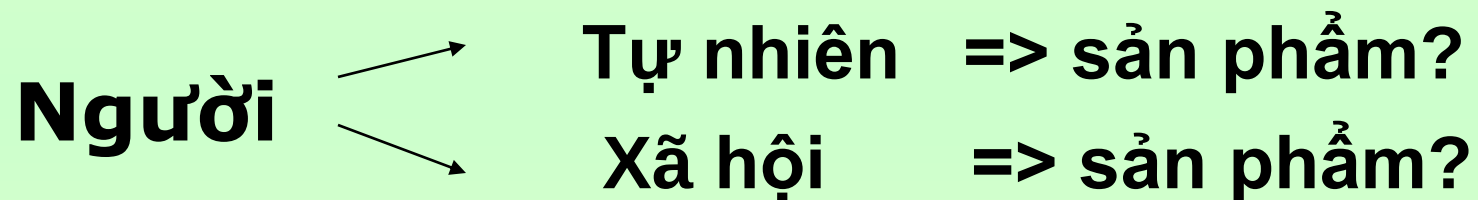
☛ **Lý do chuyên ngành**

- **Luật học**
- **Kinh tế học**
- **Xã hội học**
- **Dân tộc học**
- **Từ điển học ...**

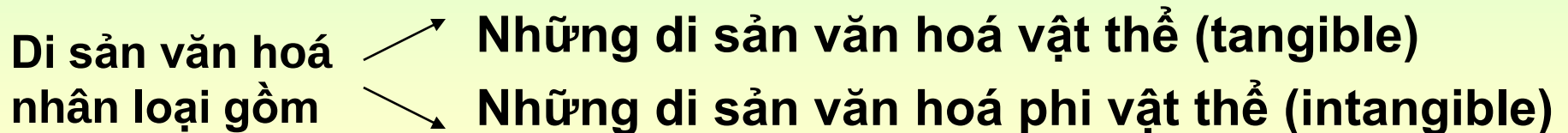
☛ Lý do ngôn ngữ học

*** Văn hoá (danh từ): sản phẩm do con người tạo ra, theo quy luật cái đẹp, có lợi cho con người**

Là kết quả tương tác giữa:



Theo UNESCO:



- Văn hoá (động từ) là hoạt động giáo hoá con người bằng văn chương, lễ nghi, âm nhạc.
- Văn hoá theo nghĩa này thể hiện sự phát triển trong nhận thức của một bộ phận trí thức phong kiến tiến bộ so với tư tưởng của tầng lớp thống trị trong chế độ chiếm hữu nô lệ (chủ yếu dùng vũ lực để giáo hoá con người).

[Ở phương Tây, Cultural/ culture được dùng theo nghĩa hoạt động giáo hoá con người. Culture (văn hoá) có nghĩa “*khai khẩn tinh thần*”, “*canh tác đời sống tinh thần*” cho con người.

- Văn hoá (tính từ) là mức độ tiến bộ/văn minh của con người.
- Các phụ từ như: cao, thấp (văn hoá cao, văn hoá thấp), vô, thiếu (vô văn hoá, thiếu văn hoá) nhằm đánh giá mức độ tiến bộ/văn minh của mỗi con người.

Tóm lại, khi định nghĩa khái niệm văn hoá cần xác định hướng nghiên cứu cụ thể và từ loại ngữ pháp.

Thông thường, người ta định nghĩa văn hoá theo nghĩa từ điển học (là một danh từ)

“Văn hoá là sự tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”. (Hồ Chí Minh toàn tập, T. 3. NXB: Chính Trị Quốc Gia, HN, 1995, tr. 431).

- Văn hoá là toàn bộ những sản phẩm vật chất, phi vật chất và những quá trình hoạt động có giá trị của con người nhằm đáp ứng những đòi hỏi về đời sống vật chất và thoả mãn các nhu cầu về đời sống tinh thần.**

*** Khi có trình độ học vấn cao
chúng ta sẽ có mặt bằng
văn hoá tương ứng**

Đồng ý/ Không đồng ý ?

ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HOÁ

- * Tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh, tính lịch sử ?
- * Tính đa diện, tính hình tượng-biểu tượng, tính nghệ thuật, tính nhân văn

CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HOÁ

- **Tính đa diện:** gồm tất cả những sáng tạo ***vật chất và tinh thần, ở nhiều bình diện khác nhau***
- **Tính hình tượng-biểu tượng:** bức tranh/vật thể sinh động về cuộc sống và con người ***được sáng tạo bằng các thủ pháp nghệ thuật*** (cách điệu, tượng trưng, ước lệ, mô hình hoá,) -> không mô tả/miêu tả một cách trần trụi
- **Tính nghệ thuật:** sáng tạo qua một quá trình tư duy phức tạp (tư duy hình tượng, tư duy lô gíc, tư duy hoàn thiện), trong đó yêu cầu ***tính hoàn thiện ở mức độ cao hoặc cao tuyệt đối***.
- **Tính nhân văn:** không chỉ nuôi sống con người + phục vụ tổ chức và giao tiếp xã hội, ... mà còn ***làm con người trở nên người*** hơn

CÁC CHỨC NĂNG CỦA VĂN HOÁ

- *- Chức năng nhận thức**
- *- Chức năng thẩm mĩ**
- *- Chức năng giải trí**
- *- Chức năng dự báo**
- *- Chức năng giáo dục**

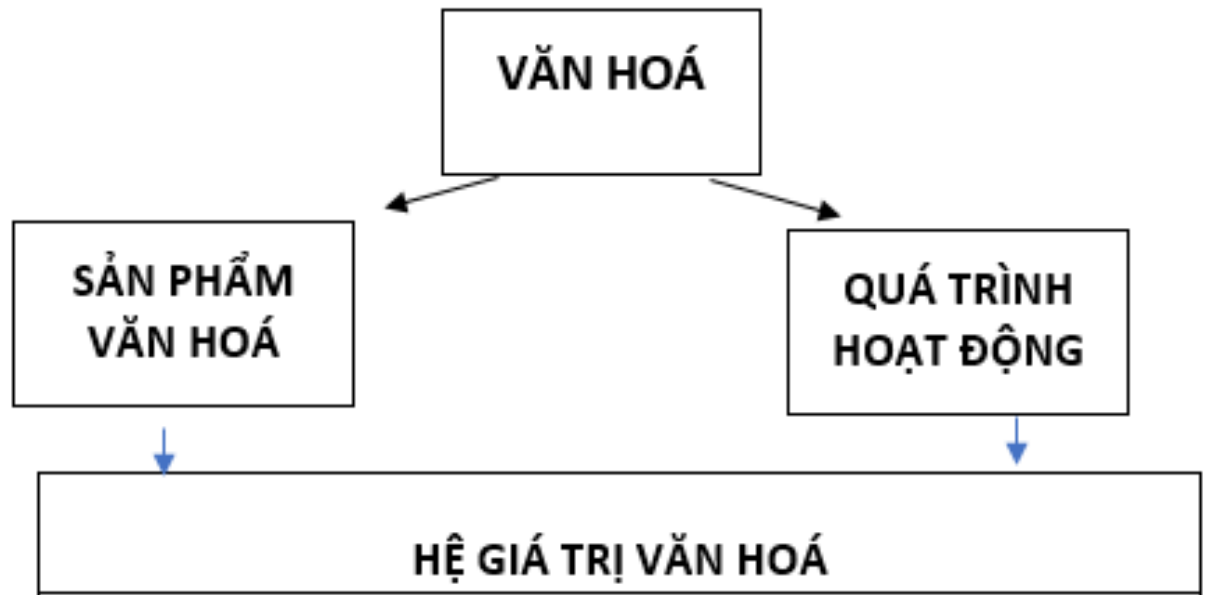
CẤU TRÚC CỦA VĂN HOÁ

- * CẤU TRÚC THEO CÁCH TIẾP CẬN TỔNG THỂ
- * CẤU TRÚC THEO CÁCH TIẾP CẬN BỘ PHẬN

CẤU TRÚC VĂN HOÁ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN TỔNG THỂ

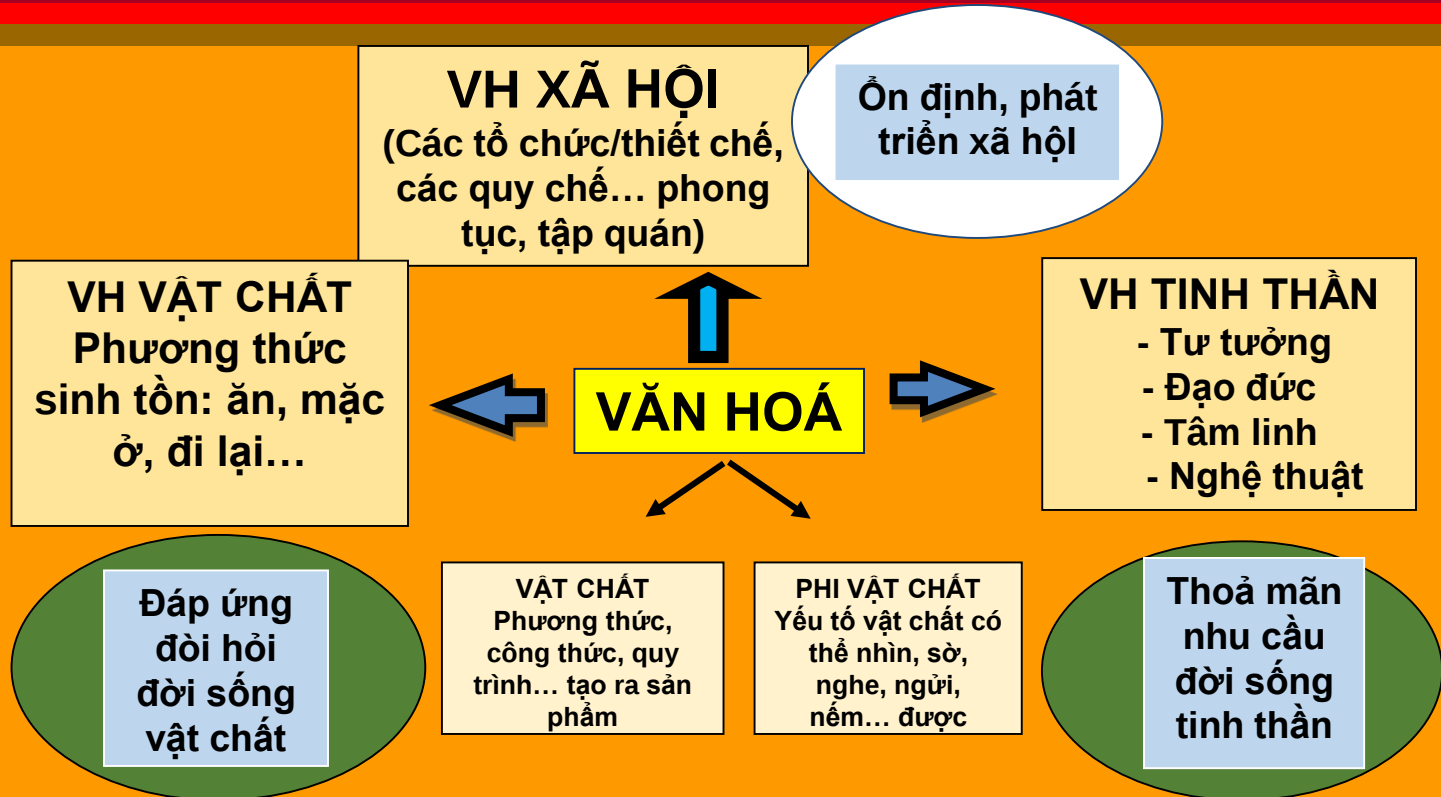
Cấu trúc bề mặt
(surface structure)

Cấu trúc sâu
(deep structure).



CẤU TRÚC VĂN HOÁ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN BỘ PHẬN

Cấu trúc theo sản phẩm văn hoá



CẤU TRÚC THEO HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ THỂ VĂN HOÁ

VĂN HOÁ

NHẬN THỨC

- Nhận thức tự nhiên
- Nhận thức xã hội

TỔ CHỨC

- Tổ chức mưu sinh
- Tổ chức quản lý & sinh hoạt cộng đồng

ỨNG XỬ

- Ứng xử với môi trường tự nhiên
- Ứng xử trong xã hội

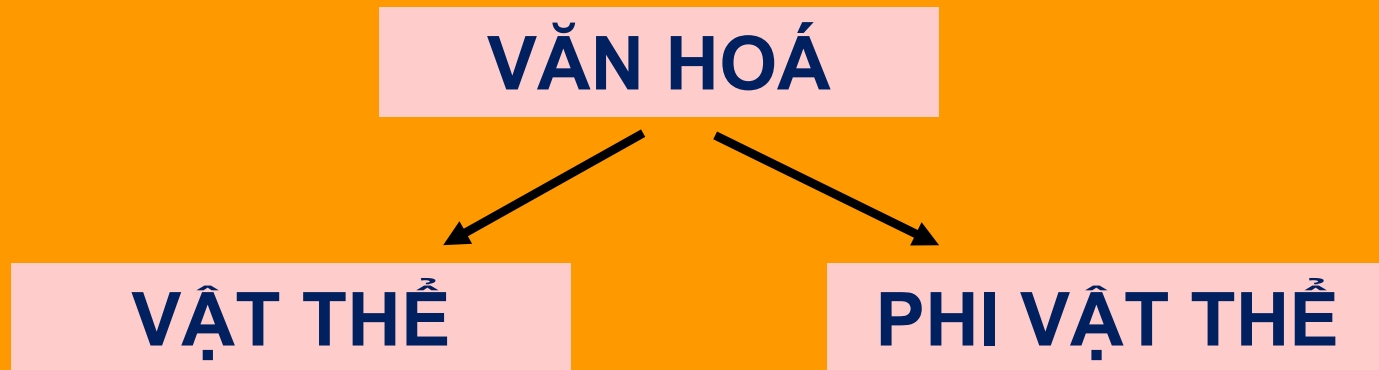
TÁI HIỆN

- Các loại hình nghệ thuật

Các thành tố có quan hệ và tác động qua lại



CẤU TRÚC VĂN HOÁ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN DI SẢN



TỔNG HỢP CẤU TRÚC VĂN HOÁ

	Sản phẩm	Quá trình hoạt động
Cấu trúc bề mặt	- văn hoá vật chất + văn hoá tinh thần - văn hoá vật thể + văn hoá phi vật thể - văn hoá xã hội	- văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức, văn hoá ứng xử, văn hoá quản lý, văn hoá ứng xử, văn hoá mưu sinh, văn hoá giáo dục, văn hoá sáng tạo nghệ thuật...
Cấu trúc sâu	Hệ giá trị (hệ thống những thuộc tính mang lại lợi ích cho chủ thể)	

Phân biệt khái niệm văn hoá với các khái niệm liên quan

- ❑ *Văn minh : Những hiện tượng văn hoá có tầm cỡ nhân loại được phát sinh từ một xã hội đã được tích lũy về mọi mặt, đủ để tạo ra những bước nhảy vọt mới.*
- ❑ *Văn hiến : Văn hiến là những nét đẹp về tâm hồn, trí tuệ, phẩm cách của một dân tộc được nâng lên thành giá trị tinh thần và mang tính truyền thống.*
- ❑ *Văn vật : Những công trình, hiện vật có giá trị nghệ thuật và giá trị lịch sử, những danh nhân. Đó là những di tích lịch sử và nhân vật lịch sử.*

CHƯƠNG I (tt)

CƠ SỞ LÝ LUẬN - TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM

1.2. Tổng quan về văn hóa Việt Nam (VN)

1.2.1 Chủ thể văn hóa VN

1.2.2 Không gian văn hoá và các vùng văn hoá VN

1.2.3 Diễn trình/tiến trình văn hoá VN

1.2.4 Tính thống nhất và đa dạng của văn hoá VN

CHỦ THỂ VĂN HOÁ VIỆT NAM

XÉT TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

THEO DÂN TỘC HỌC

Chủng AUSTRALOID

+

Chủng MONGOLOID

Chủng INDONÉSIEN
(=Cổ Mã Lai, ĐNÁ tiền sử)

AUSTRONÉSIEN

AÚSTROASIATIC
(NAM Á, BÁCH VIỆT)

Nhóm CHÀM,
các tộc
sống dọc
Trường Sơn

Nhóm
Mon-Khmer

Nhóm Việt-
Mường

Nhóm
Tày-Thái

Nhóm
Mèo-Dao

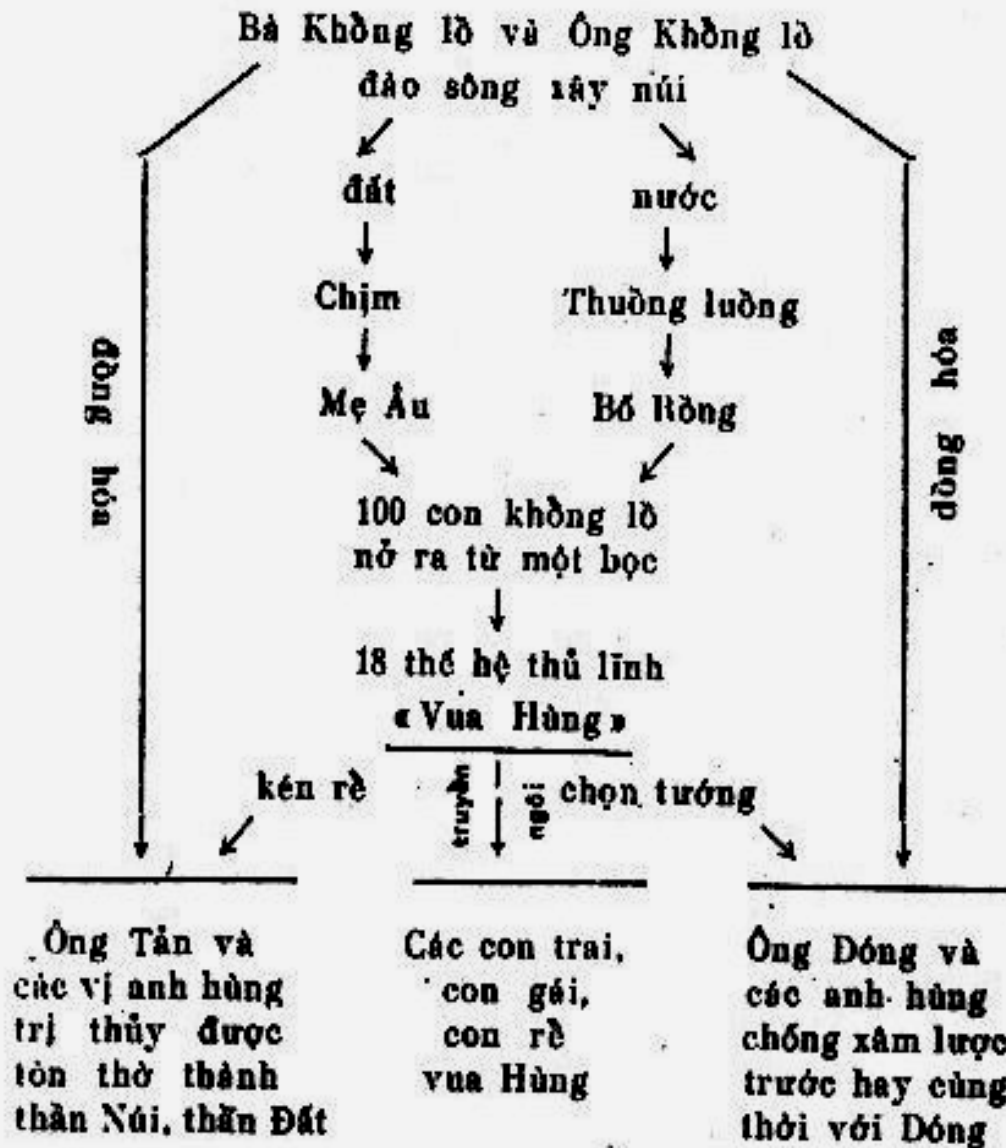
Khoảng TK IX →

VIỆT, MƯỜNG, CHỨT

THEO THẦN THOẠI VÀ SỬ CA VIỆT CỔ



TỘC VIỆT THEO THẦN THOẠI VÀ SỬ CA VIỆT CỔ



(Phỏng theo CAO HUY ĐÌNH)

THEO TRUYỀN THUYẾT HỒNG BÀNG THỊ



KHÔNG GIAN VĂN HOÁ & CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

- **KHÔNG GIAN VĂN HOÁ VIỆT NAM**
- **CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM**

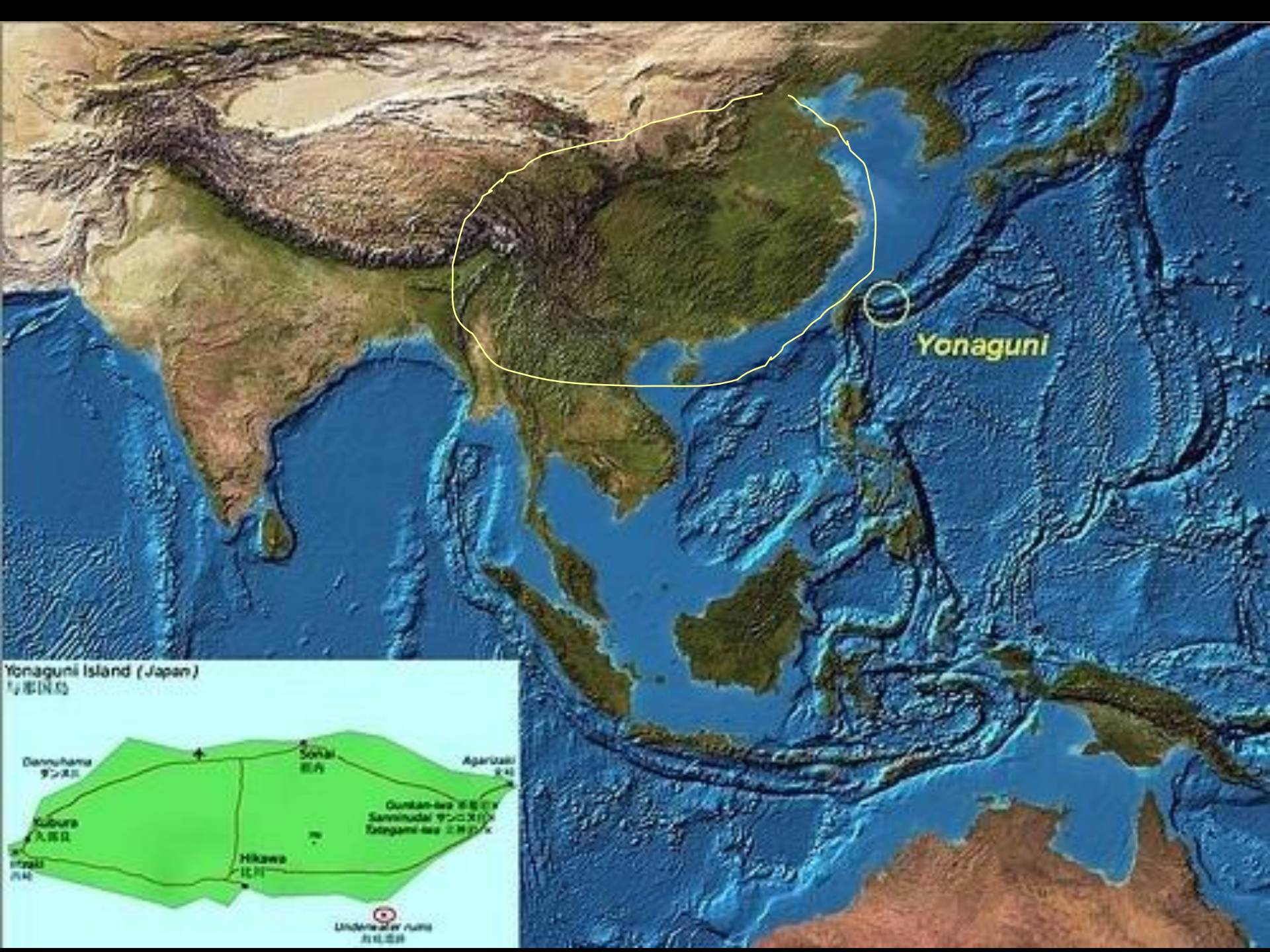
Không gian văn hoá Việt Nam

CÁC QUAN ĐIỂM VỀ KHÔNG GIAN VĂN HOÁ VIỆT NAM

**1. Theo truyền thuyết “Hồng Bàng thị”:
Không gian văn hoá người Việt cổ
thuộc nước Xích Quỷ (Bắc giáp Hồ
Đông Đình, Nam giáp nước Hồ Tôn,
Tây giáp nước Ba Thục, Đông giáp
biển Nam Hải)**

Không gian nước Xích Quỷ





Yonaguni Island (Japan)
与那国島

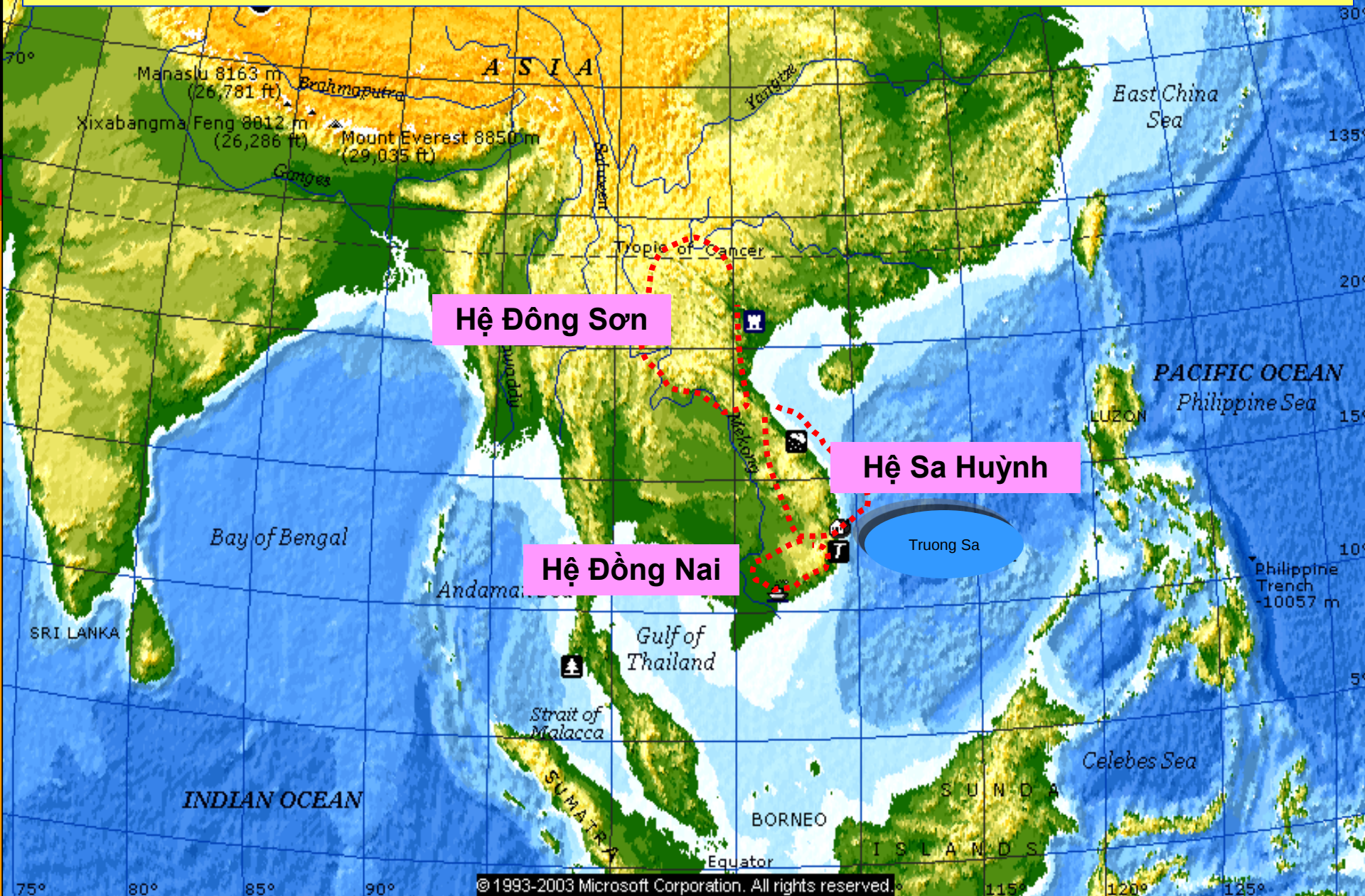


Người Hoa Hạ



- 2. Theo khảo cổ học: Không gian văn hoá Việt cổ gồm 3 phức hệ:**
- Văn hoá Đông Sơn (núi Đọ, Sơn Vi, Hoà Bình, Đông Sơn)**
 - Văn hoá Sa Huỳnh**
 - Văn hoá Đồng Nai**

Không gian văn hoá Việt Nam (khảo cổ học)



3. Theo ngành sử học Việt Nam

Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* :

1. **Vũ Định (sau là Thái Nguyên, Cao Bằng)**
2. **Văn Lang (sau là Phong Châu)**
3. **Chu Diên (sau là Sơn Tây)**
4. **Phúc Lộc (sau là Sơn Tây)**
5. **Tân Hưng (sau là Hưng Hóa, Tuyên Quang)**
6. **Lục Hải (sau là Lạng Sơn)**
7. **Vũ Ninh (sau là Bắc Ninh)**
8. **Bình Văn (chưa rõ ở đâu)**
9. **Ninh Hải (sau là Quảng Yên)**
10. **Giao chỉ (sau là Hà Nội, Hà Đông, Nam Định, Hưng Yên)**
11. **Dương Tuyền (sau là Hải Dương)**
12. **Cửu Chân (sau là Thanh Hóa)**
13. **Hoài Hoan (sau là Nghệ An)**
14. **Cửu Đức (sau là Hà Tĩnh)**
15. **Việt Thường (nay là Thuận Hóa, Quảng Nam)**



Ranh giới Văn Lang

Vũ Định

Lục Hải

Văn Lang

Chu Diên

Tân Hưng

Phúc Lộc

Ninh Hải

Vũ Ninh

Dương Tuyền

Giao Chỉ

Cử chân

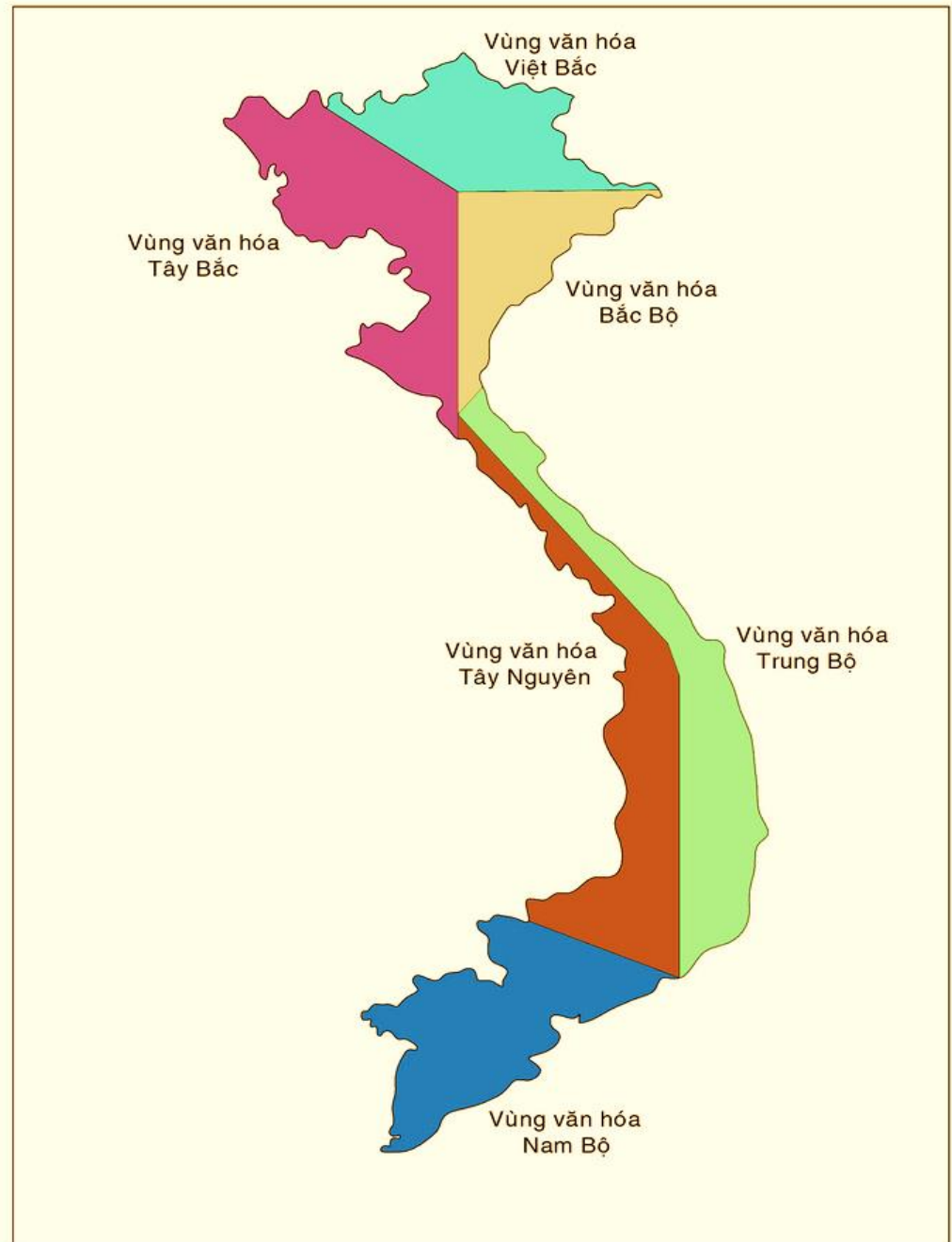
Hoài Hoan

Cử Đức

Việt Thường

Bình Văn ?

4. Quan điểm hiện nay về không gian văn hóa Việt Nam



Tiêu chí khảo sát 6 vùng văn hoá

- ❑ Địa giới hành chính (tương đối)
- ❑ Chủ thể
- ❑ Kinh tế
- ❑ Nhà ở
- ❑ Trang phục
- ❑ Văn hoá nghệ thuật
- ❑ Đời sống tâm linh

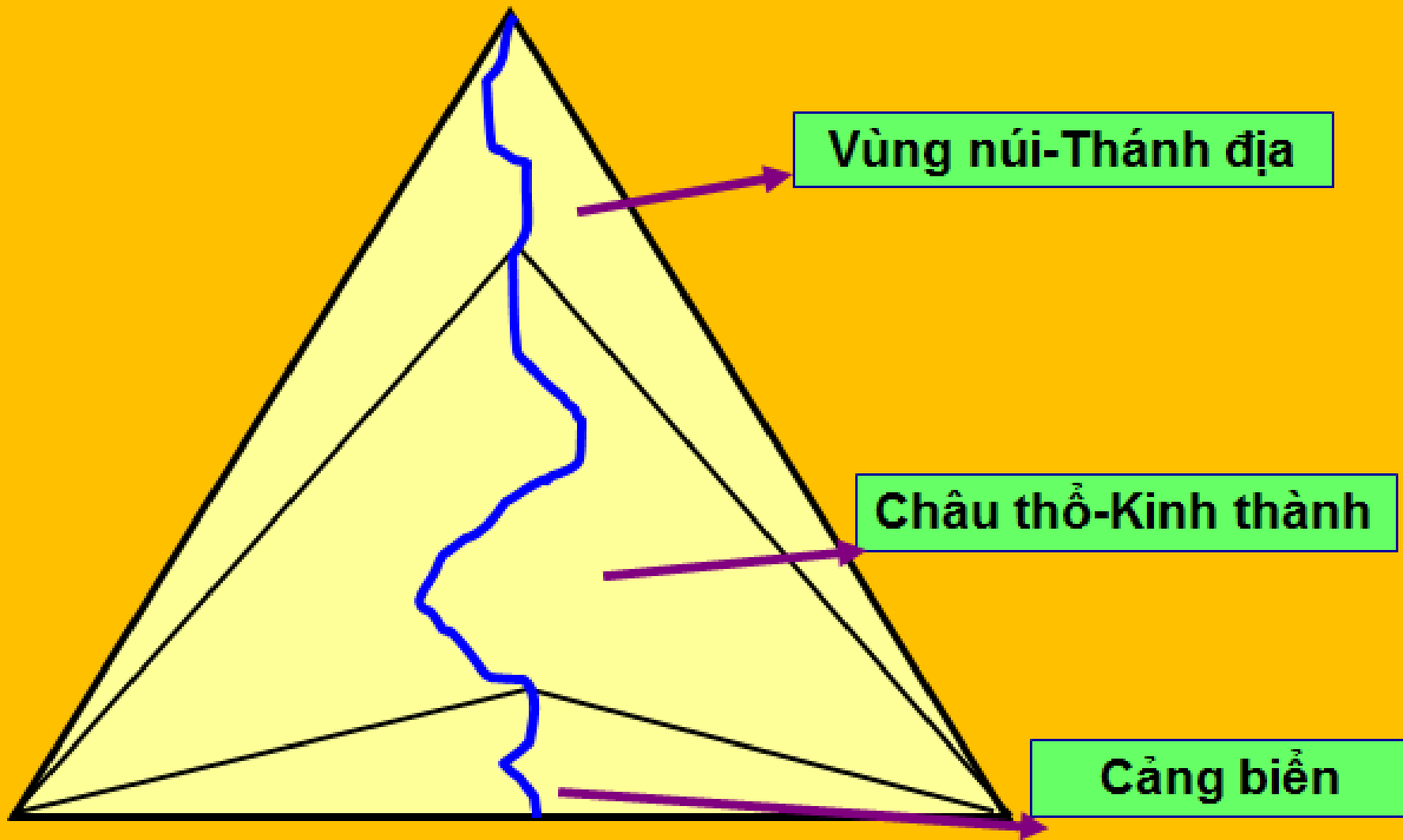
DIỄN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM

3 LỚP VĂN HÓA VIỆT NAM	6 GIAI ĐOẠN VĂN HÓA VIỆT NAM
LỚP VĂN HÓA BẢN ĐỊA	1. Giai đoạn văn hóa tiền sử
	2. Giai đoạn văn hóa Văn Lang – Âu Lạc
LỚP VĂN HÓA GIAO LƯU TRONG KHU VỰC	3. Giai đoạn văn hóa chống Bắc thuộc
	4. Giai đoạn văn hóa Đại Việt
LỚP VĂN HÓA GIAO LƯU VỚI PHƯƠNG TÂY VÀ THẾ GIỚI	5. Giai đoạn văn hóa Đại Nam
	6. Giai đoạn văn hóa Cách mạng

ĐỊA BÀN KHAI THÁC KINH TẾ

- 1. Thời kì khai thác vùng cao: Kinh tế chiếm đoạt hay thu lượm, chủ yếu là săn bắt, hái lượm, hái lượm trội hơn săn bắt, bước đầu hình thành nền nông nghiệp sơ khai.**
- 2. Thời kì khai thác trung du và đồng bằng châu thổ: Kinh tế nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi và nghề thủ công, trong đó trồng trọt là chính).**
- 3. Thời kì khai thác cảng biển: kinh tế công nghiệp, hậu công nghiệp + nông nghiệp hiện đại**

MÔ HÌNH KHAI THÁC KINH TẾ



Tính thống nhất và đa dạng của văn hoá Việt Nam

- Tính thống nhất
- Tính đa dạng

LOẠI HÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM

+ Loại hình văn hoá Việt Nam

Nông nghiệp lúa nước -> Công nghiệp, dịch vụ (du lịch, thương nghiệp,)

Hình thái KT - XH	Phương thức kiếm sống	Loại hình văn hoá
Nguyên thuỷ	Chiếm đoạt tự nhiên: săn bắt hái lượm	Săn bắt hái lượm
CHNL Phong kiến	Trồng trọt, chăn nuôi	Nông nghiệp, du mục
Tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa	Sản xuất công nghiệp, dịch vụ	Công nghiệp, văn hoá dịch vụ



Ranh giới phương Đông
và phương Tây (văn hoá)

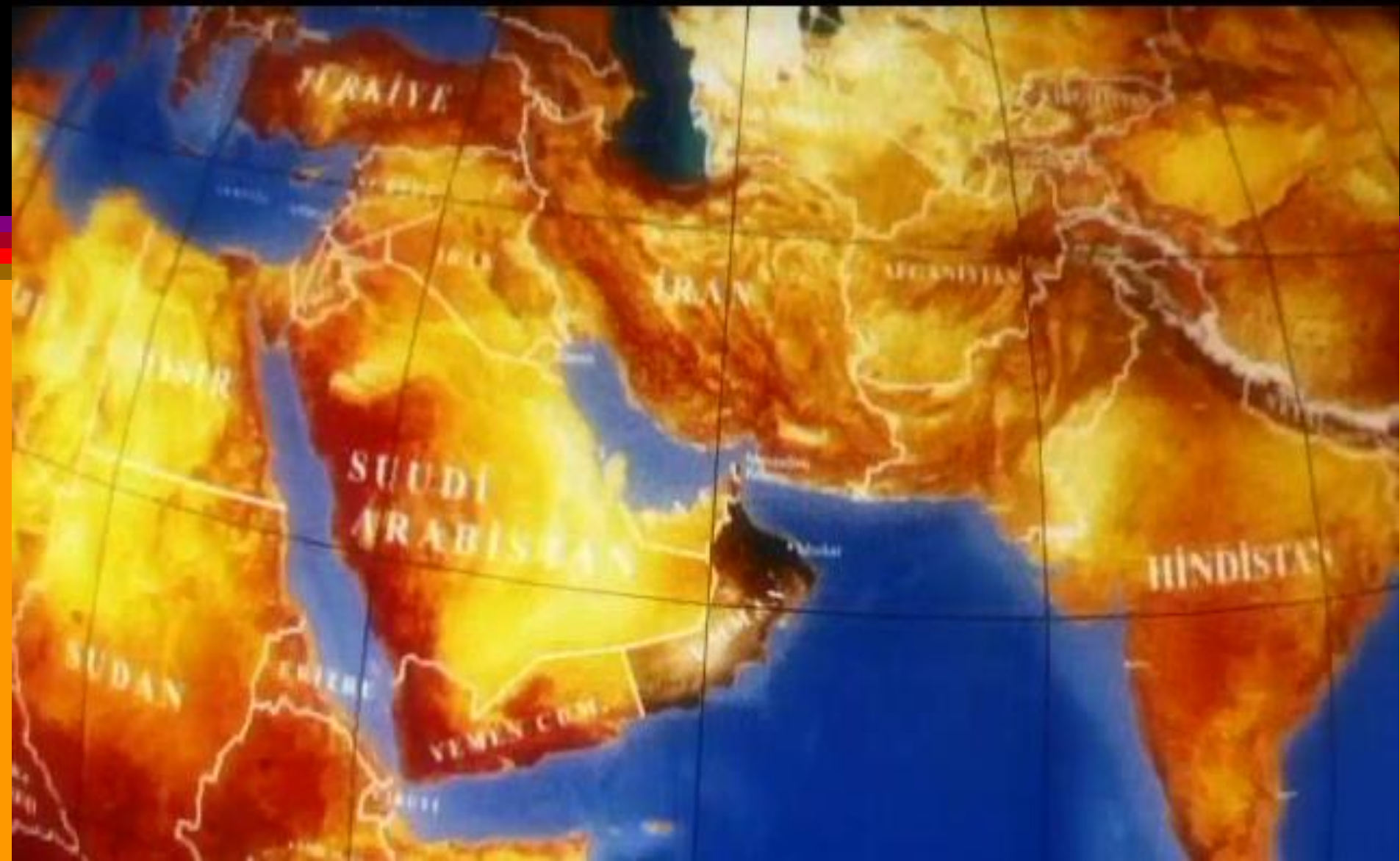
Môi trường địa lí → Điều kiện sống
→ Nhận thức, Tổ chức, Ứng xử, Sáng tạo nghệ thuật
= > Đặc trưng VH

Môi trường (Địa – Kinh tế - Văn hoá)

Cắt dọc: Đông – Tây

Cắt ngang:

Vùng khí hậu	Đất đai	Kinh tế-VH
Xích đới, nhiệt đới Cận nhiệt đới	Hoang mạc khô hanh	Du mục đá cát
	Châu thổ (đất bùn)	NN lúa nước
Ôn đới	Bình nguyên (đất khô) Thảo nguyên ôn hoà	NN lúa khô Du mục đồng cỏ
Hàn đới, địa cực	Hoang mạc khô lạnh	Du mục băng tuyết



Du mục Trung Đông và Tây Á

Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á

Brunei
Campuchia
Đông Timor
Indonesia
Malaysia
Mianma
Lao
Philippin
Singapore
Thailand
Vietnam

11



Loại hình văn hoá nông nghiệp Việt Nam

- **Cơ sở xác định: Địa hình và khí hậu Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng thích hợp cho nghề trồng lúa nước (đất phù sa + nước ngọt + nắng nóng).**
- **Cung cách sống bằng nghề nông đã hình thành nên văn hoá nông nghiệp lúa nước.**

Loại hình văn hoá nông nghiệp Việt Nam

** Đặc trưng: hòa hợp và tôn trọng tự nhiên, định cư, ứng xử mềm dẻo, hiếu hòa, trọng tình cảm, trọng văn, trọng đức, trọng phụ nữ, trọng kinh nghiệm, trọng tuổi già, trọng tập thể, ...*

** Biểu tượng: cây lúa nước, con trâu, nhà sàn, làng bản, tín ngưỡng phồn thực, ...*

- ❑ So với các nước trong khu vực, Việt Nam là một Đông Nam Á thu nhỏ.
- ❑ Văn hoá Việt Nam tiêu biểu cho loại hình văn hoá nông nghiệp lúa nước.

CHƯƠNG II

VĂN HÓA VẬT CHẤT

2.1 Hoạt động sản xuất

2.2 Ẩm thực

2.3 Trang phục

2.4 Cư trú

2.5 Giao thông

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

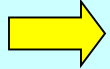
- + Thời kỳ săn bắt hái lượm chiếm đoạt tự nhiên
- + Thời kỳ chăn nuôi và trồng trọt
- + Thời kỳ công nghiệp và hậu công nghiệp

ẨM THỰC

Mô thức về ăn uống
(Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên & xã hội)

Mô thức chung về ứng xử với môi trường tự nhiên

Môi trường địa lý



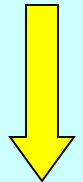
- Khí hậu, địa hình thích hợp nghề trồng lúa nước + chu kỳ sinh trưởng cây lúa nước => từ thung lũng xuống đồng bằng làm ruộng dẫn thủy nhập điền.

Kinh nghiệm khai thác vùng núi, biển, sông, hồ...

- Khí hậu, địa hình -> canh tác phù hợp địa hình khí hậu: xử lý đất, chọn và xử lý giống, thuần dưỡng động thực vật.

Kinh nghiệm chế tác công cụ lao động thích hợp công việc.

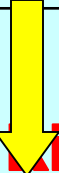
Lao động thủ công: cày bừa, kéo gỗ, kéo lưới, giã gạo, ... phải lao động tập thể.



Môi trường Xã hội



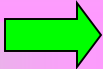
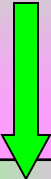
Sống định cư, co cụm, chu kỳ sinh trưởng cây lúa -> kinh nghiệm văn công, đổi công...

Môi trường địa lý	Nguồn lương thực, thực phẩm có sẵn hoặc dễ tìm kiếm, dễ nuôi trồng => tận dụng => thích nghi => cơ cấu bữa ăn truyền thống: cơm - rau - thủy sản.
	Tìm, chọn thức ăn theo mùa. Cách chế biến, bảo quản (thức ăn, thức uống) phù hợp khí hậu, thời tiết bốn mùa.
Điều kiện sống tập thể  	Ăn chung => Tính cộng đồng + tính tổng hợp (khái niệm ngon phải do sự tổng hợp nhiều yếu tố: không gian, thời gian, con người (tình trạng bản thân, đối tượng), vị, tính, màu sắc) => Đặc điểm văn hoá ẩm thực phương Đông.

Vi Tính Vật	CHUA, ĐẮNG, MẶN (ÂM)		CAY, NGỌT, LẠT (DƯƠNG)		
	HÀN	LƯƠNG	BÌNH	ÔN	NHIỆT
RAU TƯƠI, CỦ	rau chua, me đất, giá đậu xanh, rau khoai, rau má, rau mã đề, mồng tơi, rau sam.	cải bắp, cải thìa, măng, cây chuối non, mớ tam thể, rau diếp, rau đay, su hào, rau muống, bồ ngót, xà lách, xương sông	cải cay, cải củ, súp lơ, hoa chuối, lá chanh, bí ngô	bạc hà, cà rốt, diếp cá, đinh lăng, hành tây, húng chanh, húng quế, kinh giới, ngải cứu, nghệ, kiệu, rau răm, sả, tiá tô, tỏi tây	gừng, ớt, riềng, tỏi ta
CỦ CỐ BỘT	củ từ, sắn dây	khoai lang, khoai dong	củ mài, khoai sọ, khoai tây	khoai nứa, sắn	
NGŨ CỐC	đậu xanh	đậu đen	đậu trắng, gạo tẻ, kê, mì, ngô, sen	đậu đỏ, đậu Hà Lan, đậu tương, đậu ván trắng, gạo nếp, gạo tẻ rang	
CHẤT NGỌT, BÉO		đường mật mía, dầu vừng	mật ong tươi, dầu lạc, mỡ lợn	mật ong cô, đường cô, mỡ bò, mỡ chó, mỡ dê	
GIA VỊ	dành dành , dấm me, phèn chua.	băng sa, dấm thanh, muối ăn, diêm tiêu, mì chính, mộc nhĩ.		cần, húng lìu, tương ớt, vỏ cam, vỏ quýt	đinh hương, hạt tiêu, hồi, quế, thảo quả
QUẢ TƯƠI, THỨC UỐNG	cam, chanh, hoa hoè, khế chua, măng cầu xiêm, me cây, vú sữa, xoài	chè xanh, dừa, hoa hoè sao, mía, thạch xoa, nhãn, sa bô chè, đu đủ.	chè hương, chè khô	cà phê, chè hạt nhị sen, rượu vôi, chanh muối.	quýt, măng cầu ta, măng cụt.

TRANG PHỤC

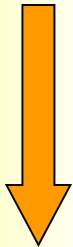
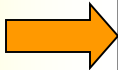
Mô thức về trang phục
(Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên & xã hội)

Môi trường địa lý	Thiết kế trang phục theo lối hỏ: nam đóng khố, nữ mặc yếm, váy.
 	Nguồn nguyên vật liệu tự nhiên => tận dụng => chọn lựa, xử lý chất liệu, kỹ thuật dệt, may, bảo quản vải, quần áo.
 Điều kiện sống tập thể	Văn hoá mặc của cộng đồng => thể hiện ở các biểu tượng, hoa văn trên áo, váy, khăn, nón...

CƯ TRÚ

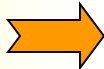
**Mô thức về cư trú
(Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên &
xã hội)**

Môi trường địa lý

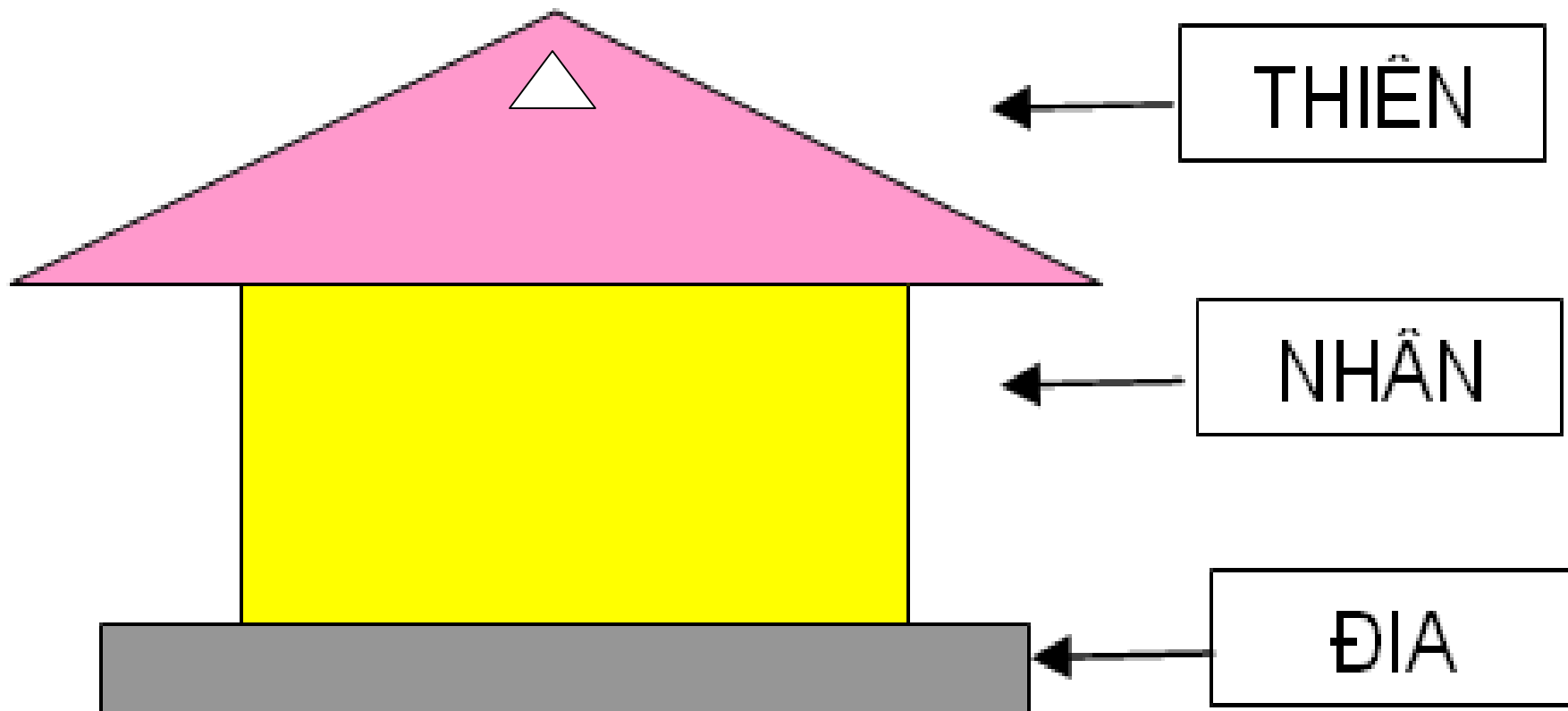


Cấu trúc nhà ở theo thuyết Tam Tài
Địa hình miền núi, đồng bằng, sông hồ + nguồn vật
liệu tự nhiên => tận dụng, lựa chọn => xử lý mặt
bằng để đặt nền nhà, hướng nhà, xử lý vật liệu, kỹ
thuật xây dựng (hệ thống cột, kèo, xà, mái hình
cong), đặt nhà bếp, bảo quản nhà
Kiểu nhà sản xuất hiện sớm nhất, phù hợp với khí
hậu khu vực .
Thuật phong thủy, thế đất hội đủ Ngũ hành thể hiện
sự cân bằng sinh thái của môi trường cư trú vùng
lục địa (khác vùng biển đảo).

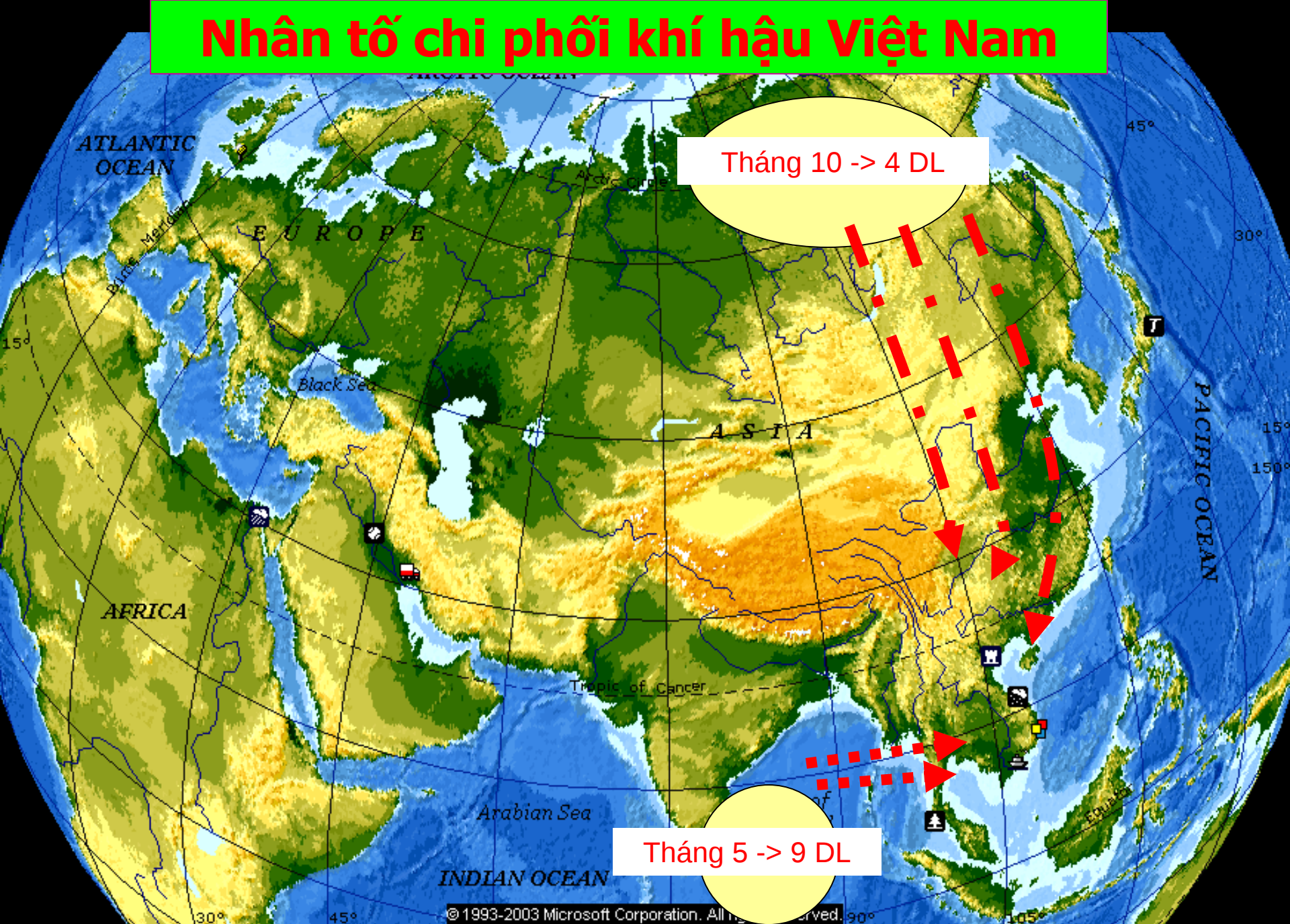
Điều kiện sống tập thể



Nhà để sinh hoạt tập thể (nhà nhiều gian, nhà
dài, nhà rộng, đình) => Văn hoá cư trú của
cộng đồng.



Nhân tố chi phối khí hậu Việt Nam



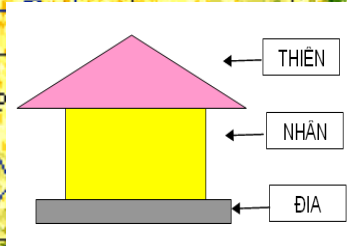
© 1993-2003 Microsoft Corporation. All rights reserved.

Thủy

Kim

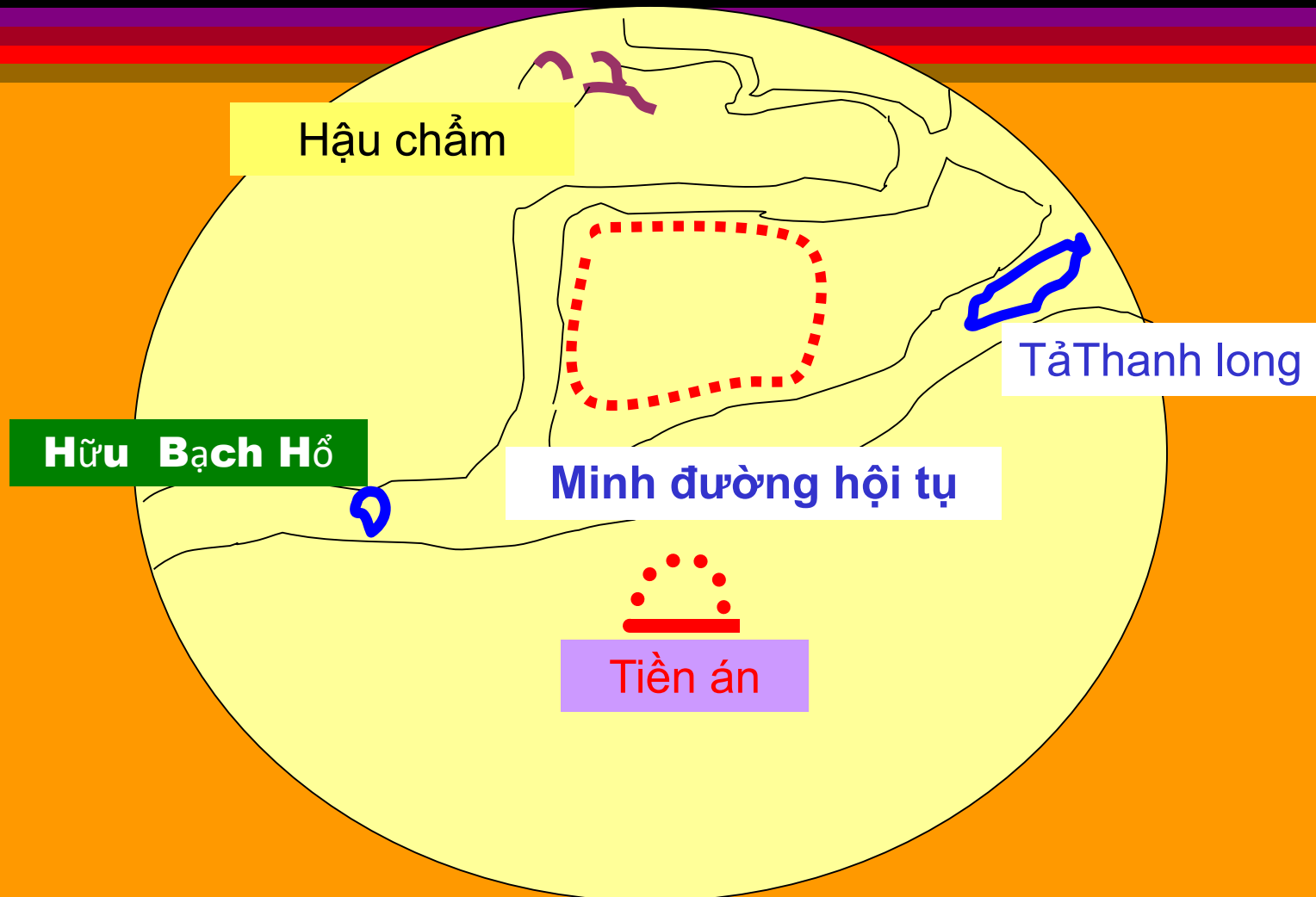
Mộc

Hoả



Ngũ Hành trong nhận thức của cư dân Nam Á

Mô hình thể đất hội đủ Ngũ Hành



Điểm khác nhau giữa lũ, lụt, nước nổi

Tiêu chí Hiện tượng	Diện phủ	Nước dâng	Địa điểm	Thời điểm	Ảnh hưởng
Lũ	Hẹp, vùng suối, sông đầu nguồn	Rất nhanh, tính theo giờ, phút	Tây Bắc, Đông Bắc, Trường Sơn	Mọi thời điểm. (Bất thường)	Phá hoại là chính
Lụt	Rộng, vùng châu thổ	Hơi nhanh, tính theo giờ, ngày	Bắc Bộ, Trung Bộ	Mùa mưa bão. (Có quy luật)	Mang phù sa + Phá hoại
Nước nổi	Rộng, vùng châu thổ	Không nhanh, tính theo ngày, tháng	Tây Nam Bộ	Nửa cuối mùa mưa Nam Bộ. (Có quy luật)	Mang phù sa + Đem nguồn lợi thuỷ sản



Old Chinese house (copied by William Watson in
"The primitive architecture: I A CHINA AND JAPAN"
[Page 26, Figure 10]. Published in England, January 1906.



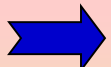
Ancient Vietnamese architecture (copied from the book with the title and cover)
[Book: The ancient architecture of Vietnam, which is the source of today's house.
[Page by V.N. Nguyen Van Phan]

GIAO THÔNG

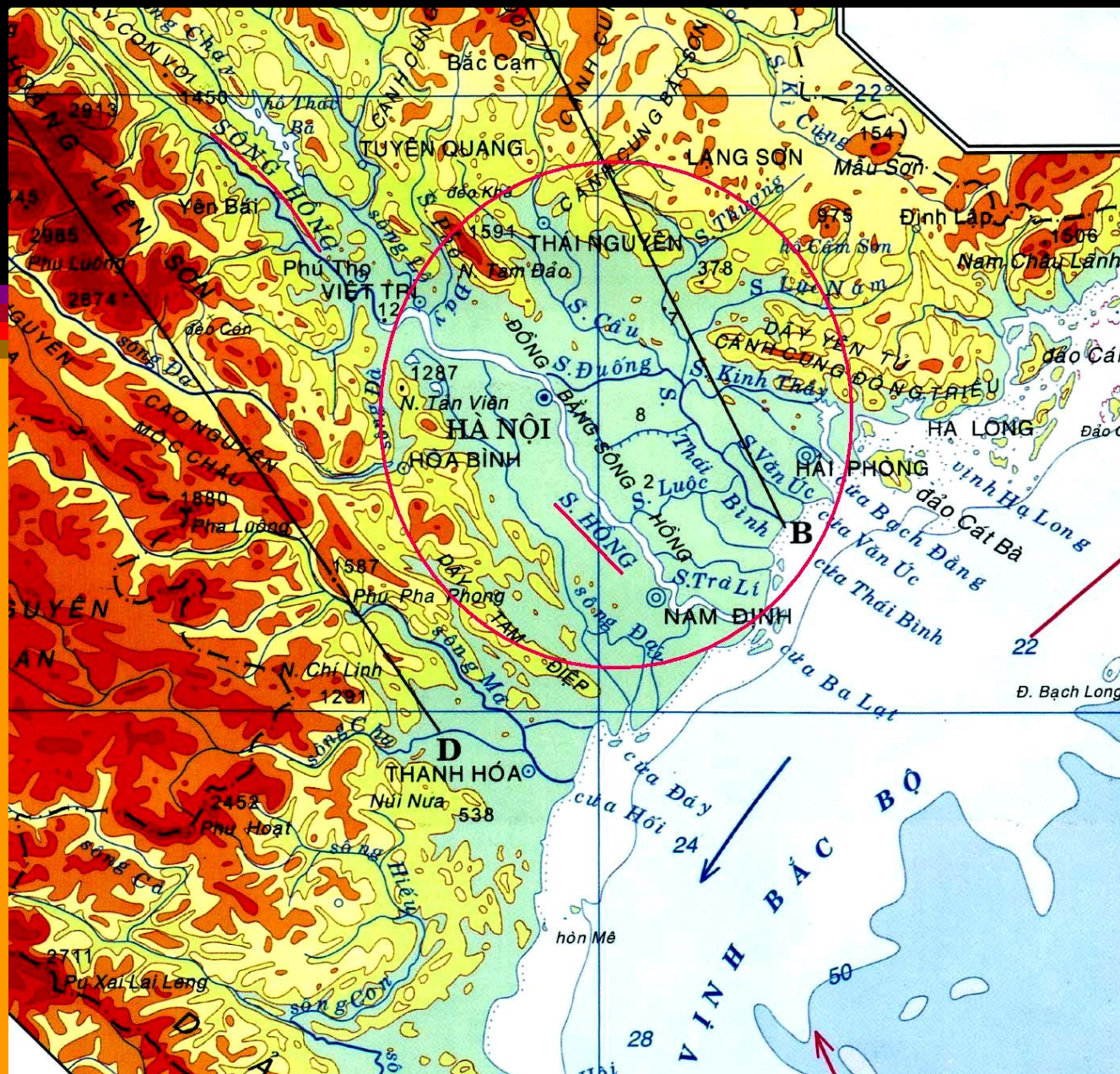
**Mô thức về di chuyển (đi lại)
(Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên)**



Nhà sàn trên trống đồng

Môi trường địa lý 	Cách đi lại phổ biến : ghe thuyền, đi bộ, khiêng, vồng, cán, ... Cách đi lại chủ yếu : ghe, thuyền.
	Nguồn vật liệu tự nhiên => tận dụng => chọn lựa, xử lý chất liệu, kỹ thuật xây dựng cầu (cầu treo, cầu khỉ,...), kỹ thuật đóng thuyền chiến (nhiều khoang)
Điều kiện sống tập thể 	Văn hoá đi lại của cộng đồng => biểu tượng phương tiện đi lại của cộng đồng: con thuyền. <i>(Bắc di mã, Nam di chu)</i>

□ Theo sử sách Trung Quốc cổ, miền đất Văn Lang là "xứ sở của những người sống được dưới mặt nước" (ý nói bơi lặn giỏi) ; ở đất Việt cổ "việc trên cạn ít, việc dưới nước nhiều"; "dân quen ở nước " ; "Vua Thang vua Vũ là thánh chúa cũng không thể cùng người Việt chèo thuyền trôi nổi trên sông nước" ; "Người Việt thạo thủy chiến, giỏi dùng thuyền".



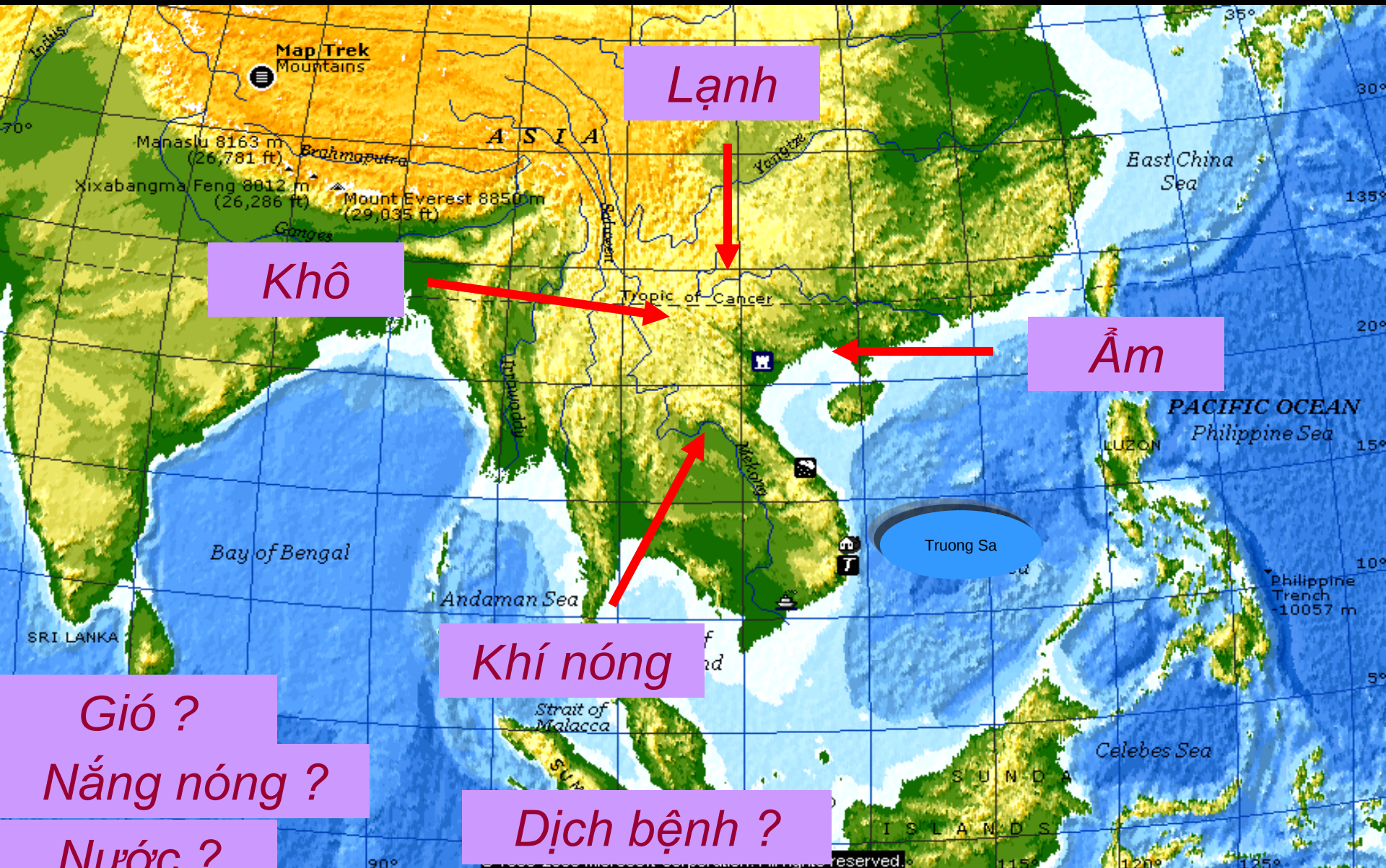
Hệ thống sông ngòi Bắc Bộ
 Nguồn: Atlas địa lý Việt Nam 2002, NXB Giáo Dục

PHÒNG TRỊ BỆNH

**Mô thức về phòng trị bệnh
(Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên)**

Môi trường địa lý	Nhận thức về nguyên nhân bệnh tật (ngoại nhân và nội nhân)-> Kinh nghiệm phòng bệnh
 	Trị bệnh theo chẩn đoán kinh nghiệm Tận dụng tự nhiên -> dược liệu tự nhiên: thảo dược, mộc dược, thú dược, nhân dược... Kinh nghiệm lập phương thang phù hợp phong thổ phương Nam: Bài thuốc Nam phổ thông Kinh nghiệm chế biến bảo quản thuốc phù hợp khí hậu: phơi, sao, sấy, nướng, nấu cao..
Điều kiện sống tập thể 	Tục hái thuốc mừng 5 tháng 5 âm lịch Gìn giữ những bài thuốc giấu...

Ngoại nhân



Nội nhân

Ăn uống
Phòng dục
Tình chí

Đoán bệnh theo tứ chẩn

- * **Vọng:** Xem hình sắc
- * **Văn:** Nghe tiếng nói, hơi thở...
- * **Vấn:** Hỏi hoàn cảnh sống, thời gian phát bệnh, những biểu hiện khác thường...
- * **Thiết:** Chạm tay vào người bệnh xem nóng lạnh, xem mạch đập nhanh chậm...

Cách dùng thuốc trị bệnh

- * Tận dụng tự nhiên làm dược liệu: cây cỏ, muôn thú, các loại đá...
- * Chế biến bảo quản thuốc phù hợp khí hậu nhiệt đới: phơi, sao, sấy, nướng, nấu cao...
- * Đơn vị tính: đồng cân, lạng, đấu, thăng, thạch (chính xác), hạt ngô đồng, nắm, bát, cọng, tép... (ước chừng)
- * Vật ăn, thức uống cũng là thuốc. Hợp thang linh hoạt không theo lối: quân, thần, tá, sứ.

Bài thuốc nam căn bản

1	Rễ tranh	Nhuận tiểu	8g
2	Lá muồng trâu	Nhuận trường	4g
3	Rau má	Nhuận gan	8g
4	Cỏ mực	Nhuận huyết	8g
5	Cỏ màn châu	Giải trừ độc	8g
6	Cam thảo nam	Tiêu khát	8g
7	Ké đầu ngựa	Trừ phong độc	8g
8	Vỏ quýt	Trị ói, sinh bụng	4g
9	Củ sả	Trị viêm, thông khí	4g
10	Gừng tươi	Tiêu đờm, kích tiêu, làm ấm	2g

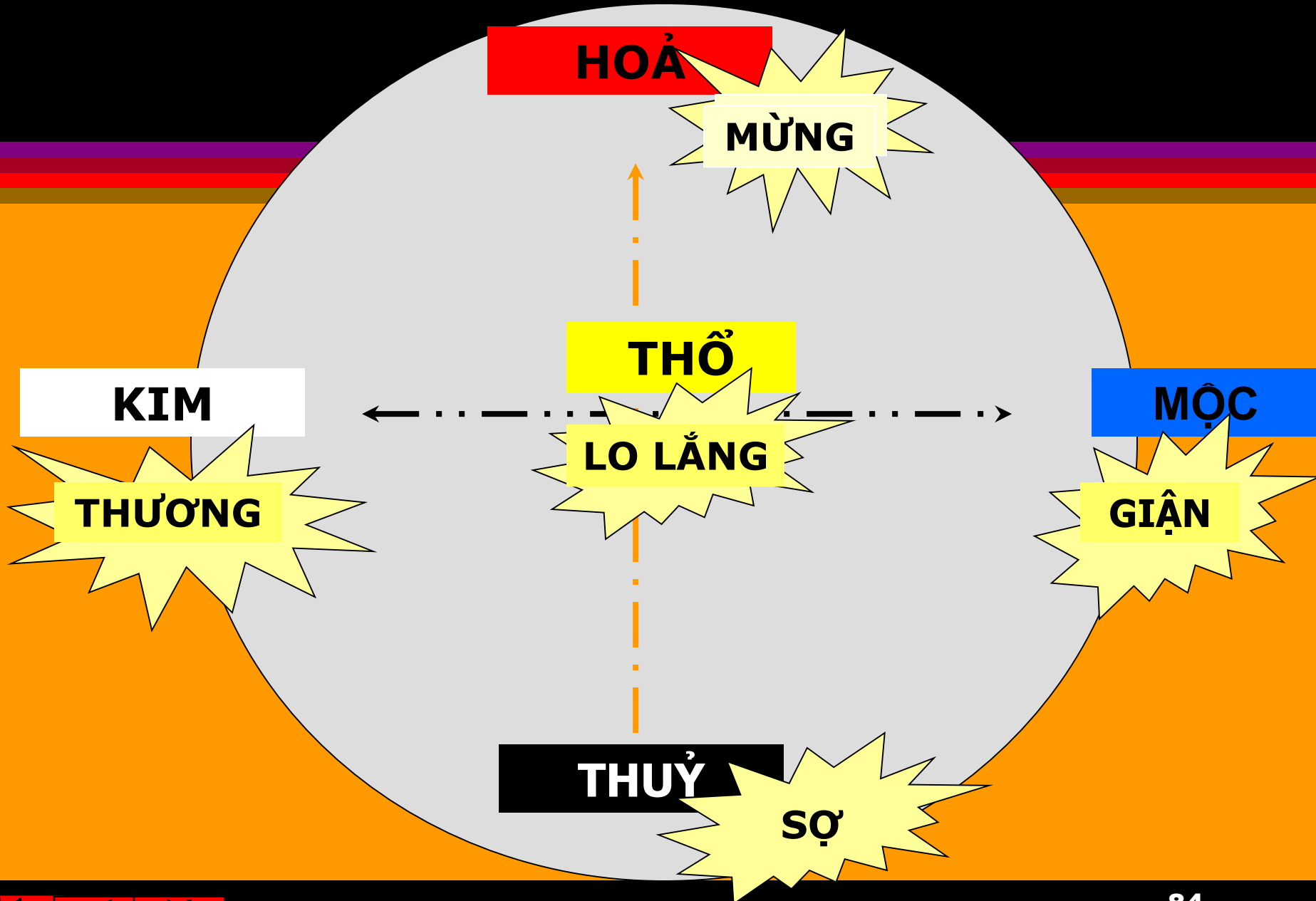
Giá trị khoa học của bài thuốc

1. Giúp đỡ tiêu hoá: kích tiêu, nhuận gan.
 2. Giúp đỡ hấp thu: thông suốt đường ruột, giải độc, thông suốt đường huyết.
 3. Giúp đỡ bài tiết: nhuận trường, nhuận tiểu.
- * Tác dụng chung: phòng trị bệnh, giải độc.

Bài thuốc độc vị

- * **Dùng cây cỏ (mộc dược, thảo dược)???**
- * **Dùng muôn thú (thú dược) ???**
- * **Dùng nhân dược ???**
- * **Loại khác ???**

Bệnh tình chí theo Ngũ Hành



Cách chữa bệnh không dùng thuốc (dựa vào hệ kinh lạc)

- * Chích lễ**
- * Giác**
- * Xông**
- * Cào, nẻ, gõ**
- * Day, Ấn**
- * Nhổ, giật tóc**
- * Ngâm nước ấm**
- Đạp lên sỏi, đạp lên khúc cây**
- * Kết hợp châm cứu và phương thức dân gian**

□ Ban có biết?

Trước khi y học phương Tây
đến Việt Nam,
cha ông ta chẩn đoán và chữa bệnh
như thế nào ?

Tập quán phòng, trị bệnh

Những tập tục thường thấy

- hái thuốc ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch
- truyền miệng kinh nghiệm phòng trị bệnh
- giữ gìn và lưu truyền bài thuốc giấu
- ???

CHƯƠNG III

VĂN HÓA TINH THẦN

3.1 Nhận thức

- Nhận thức THỰC NGHIỆM
- Nhận thức SIÊU NGHIỆM

NHẬN THỨC THỰC NGHIỆM

Triết lý cổ điển: Triết lý Âm Dương
Triết học hiện đại: Học thuyết Mác-Lênin

NHẬN THỨC SIÊU NGHIỆM

Tín ngưỡng và tôn giáo

NHẬN THỨC THỰC NGHIỆM

Triết lí cổ điển: Thuyết Âm Dương

Sự hình thành triết lý Âm Dương

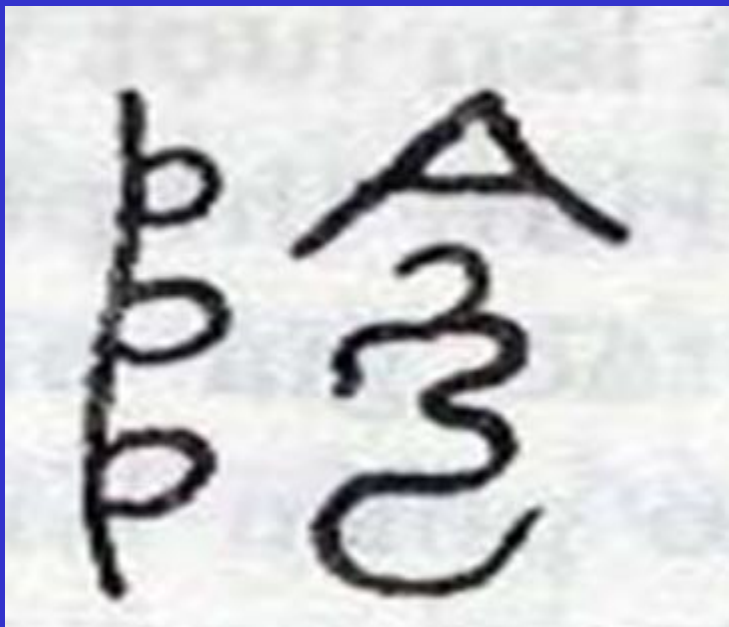
Quả đất quay -> hai thứ khí:

thứ khí có hơi ấm mặt trời (Dương)

&

thứ khí không có hơi ấm mặt trời (Âm)

Âm



Dương



Âm Dương

Dương

Ngày

Sáng

Nóng

Khô

Động (Phong)

Âm

Đêm

Tối

Lạnh

Ẩm ướt

Tĩnh (Thủy)

Các nguyên lý của tư duy âm dương

Đối lập – Bình hành – Hỗ căn – Tiêu trưởng

Tỉ lệ, quan hệ, thuộc tính âm dương

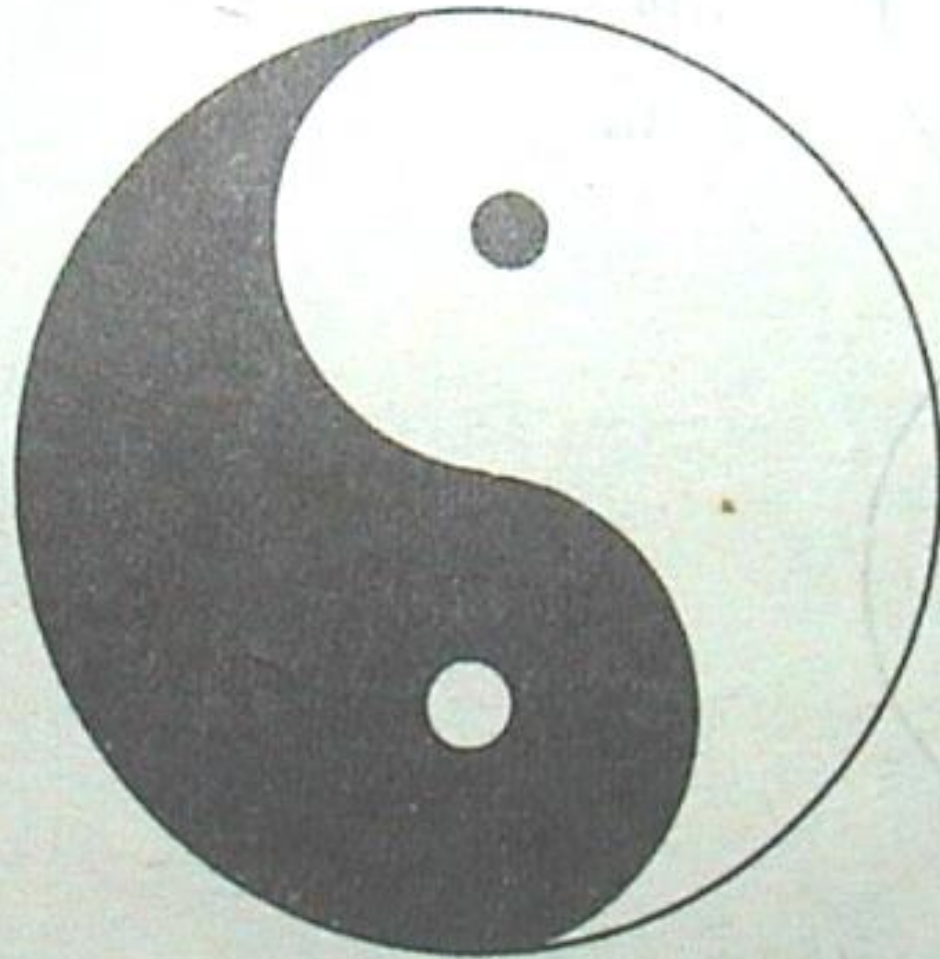
- Tỉ lệ giữa dương và âm là $3/2$, tạo động lực cho sự vận động và chuyển hoá trong các sự vật hiện tượng.
- Âm dương là hai mặt đối lập nhưng không triệt tiêu lẫn nhau
- Âm dương cùng tồn tại trong một thể thống nhất.
- Âm dương đối lập nhưng cùng chuyển hoá cho nhau theo hướng vận động trên thể luôn giữ cân bằng.
- Xác định thuộc tính âm dương của một sự vật hiện tượng phải dựa vào nguyên lý đối lập và thuộc tính từng mặt cụ thể của sự vật hiện tượng.

BIỂU TƯỢNG ÂM DƯƠNG

Màu sắc: Đen /trắng, Xanh/đỏ, ...

Hình dạng: vuông/tròn, đứt/liền, đặc/rỗng, dấu trừ/dấu cộng

Đồ hình:



Kiểu hình thái cực cận đại

Hai hướng phát triển của triết lý âm dương

- Âm dương Bát Quái
- Âm dương Ngũ Hành

Nhận thức vũ trụ theo mô hình Âm Dương-Tam Tài- Ngũ Hành

Trời



① Nhận thức trực cao – sâu: Mô hình Tam Tài

Tam Tài

Nguyên lý Âm Dương

Trời



Người



Đất

Thiên



Nhân



Địa



Con người đặt trong mối quan hệ giữa trời và đất, phía trên chịu tác động của trời, phía dưới chịu sự tác động của đất.

Đất -Trời -Người là ba nguyên lực của sự sống quả đất.

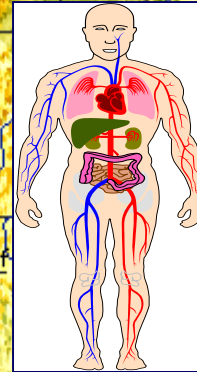
Từ nhận thức về tự nhiên, Tam Tài trở thành phép suy luận bộ ba có tính biện chứng : lửa - đất - nước, cha - mẹ - con, trên – giữa – dưới

BẮC

TÂY

ĐÔNG

NAM

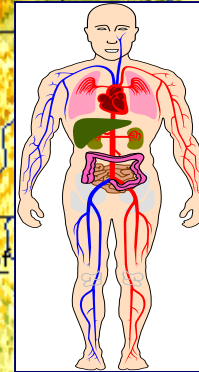


Nhận thức thời khí của cư dân Nam Á

ĐÔNG

THU

XUÂN



HẠ

Nhận thức thời khí của cư dân Nam Á

THỦY

KIM

THỔ

MỘC

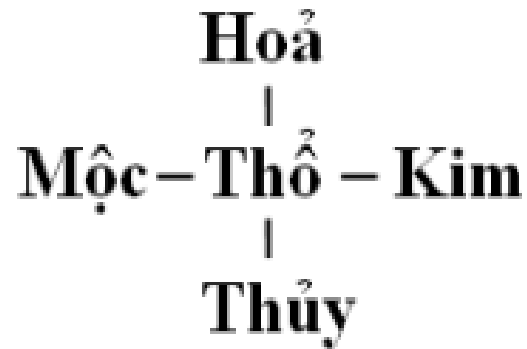
HOẢ

Ngũ Hành trong nhận thức của cư dân Nam Á

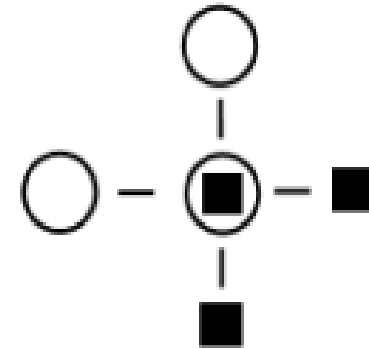
Ngũ Hành Các yếu tố	Thủy	Mộc	Hoả	Thổ	Kim
Mùa	Đông	Xuân	Hạ	Tứ quý	Thu
Phương hướng	Bắc	Đông	Nam	Trung ương	Tây
Màu	Đen	Xanh	Đỏ	Vàng	Trắng
Hình thể	Ngoằn ngoèo	Dài dài	Nhọn	Vuông	Tròn
Vật biểu	Rùa	Rồng	Chim	Người, khí	Hổ

② Mô hình Ngũ Hành: Nhận thức trực ngang - dọc

Ngũ Hành



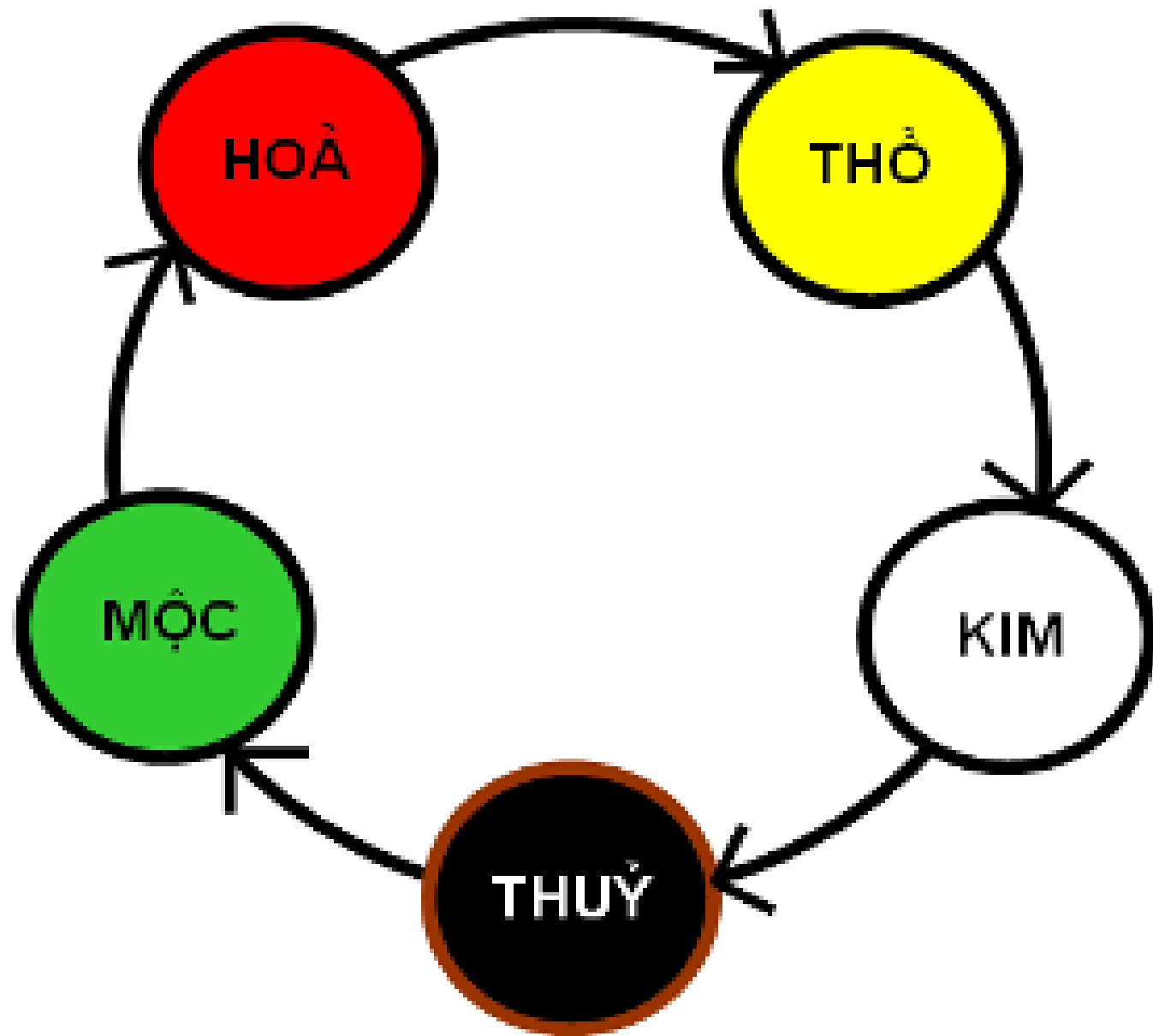
Nguyên lý Âm Dương



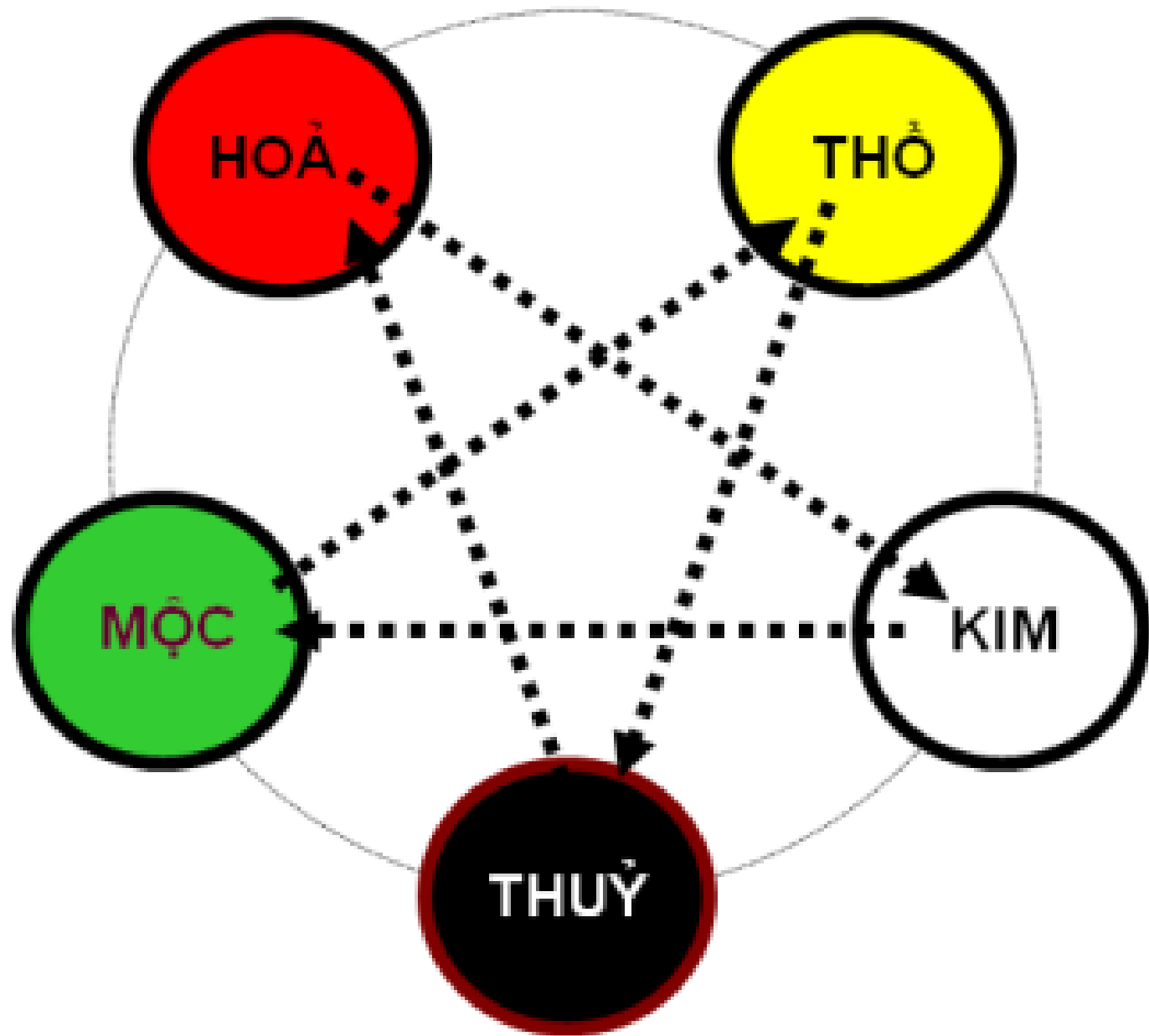
- * **Hành là một khái niệm có tính khái quát cao. Mỗi hành là một chùm gồm các yếu tố, các chức năng có cùng bản chất Âm Dương, luôn vận động. Ngũ Hành, vì thế có sức giải thích rất lớn, nhất là giải thích tự nhiên theo trực ngang - dọc**

CÁC QUAN HỆ TRONG NGŨ HÀNH

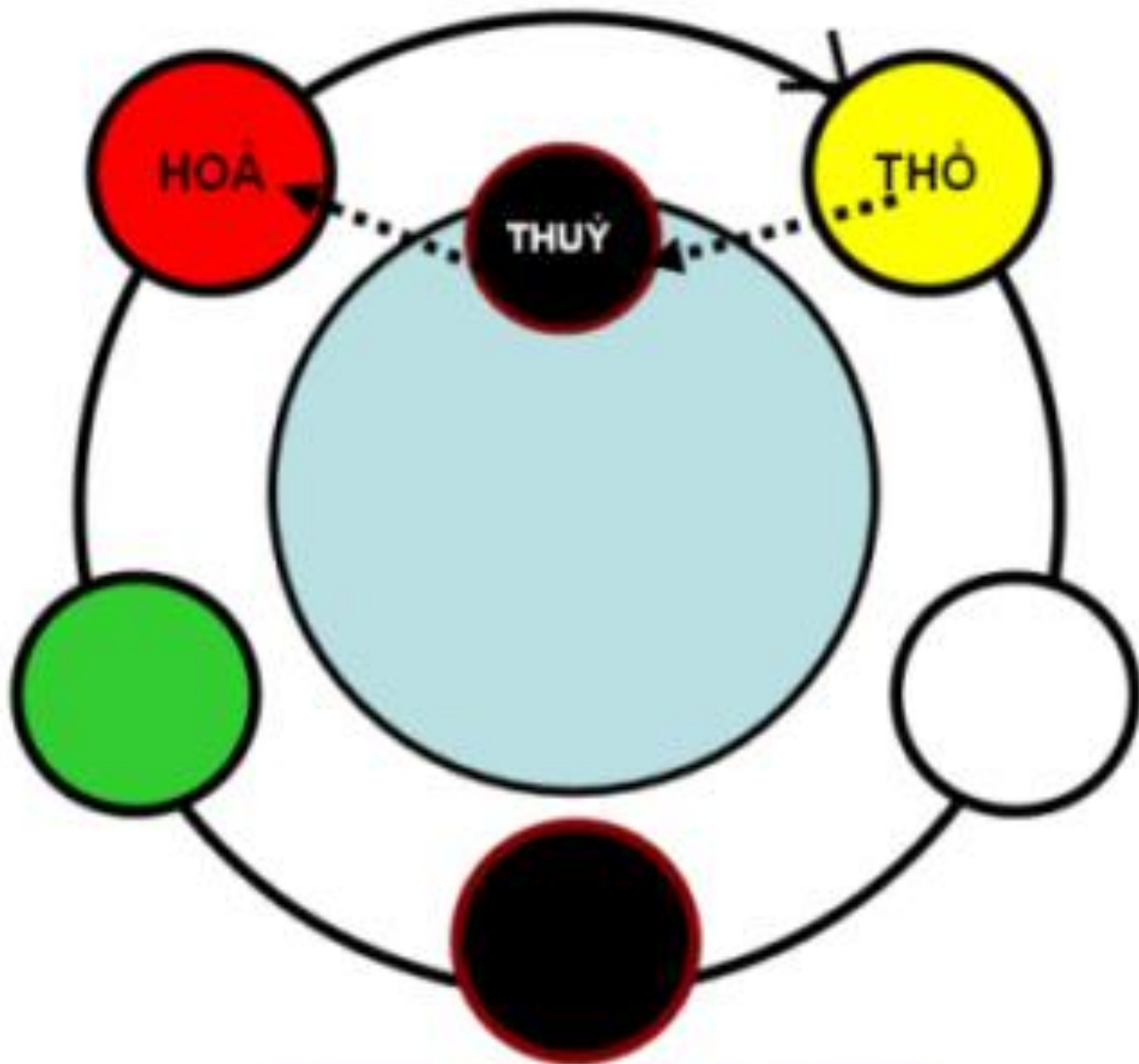




NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH

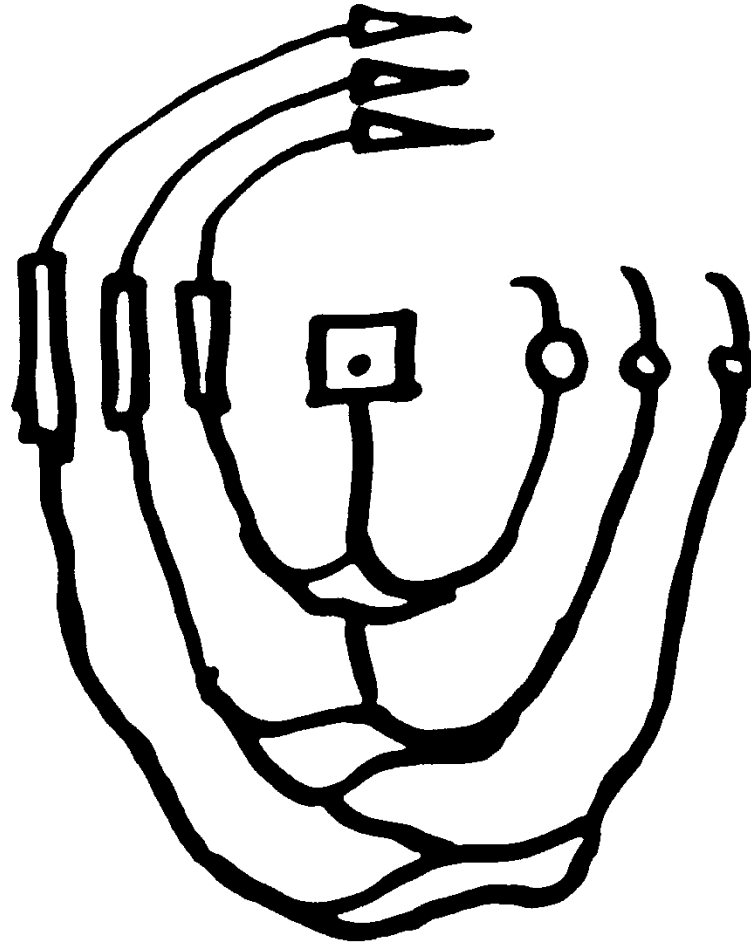


NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC



QUAN HỆ CHẾ HOÁ

Thế đất hội đủ Ngũ Hành



NHẬN THỨC THỜI GIAN THEO ÂM DƯƠNG

LỊCH ÂM DƯƠNG & HỆ CAN CHI

LỊCH ÂM DƯƠNG

- Lịch Âm và lịch Dương
trên thế giới
- Lịch Âm Dương ở Nam Á

□ Lịch Dương

Lưu vực sông Nil, cư dân Ai Cập cổ đại
1 năm có 365,25 ngày (1 ngày = 100
khắc)

□ Lịch Âm

Lưu vực sông Tigris và Euphrate, cư
dân Xu me

1 năm có 354, 1 tháng có 29,53 ngày

Dương lịch

- ❑ Trái đất quay => thay đổi khí hậu
- ❑ 1 khí = 3 hậu, 1 hậu = 5 ngày. Khí hậu ~ 14 (15) ngày
- ❑ 1 năm có 12 tháng. $12 \times 30 : 15 \text{ ngày} \Rightarrow 24$ (lần thay đổi)

Âm lịch

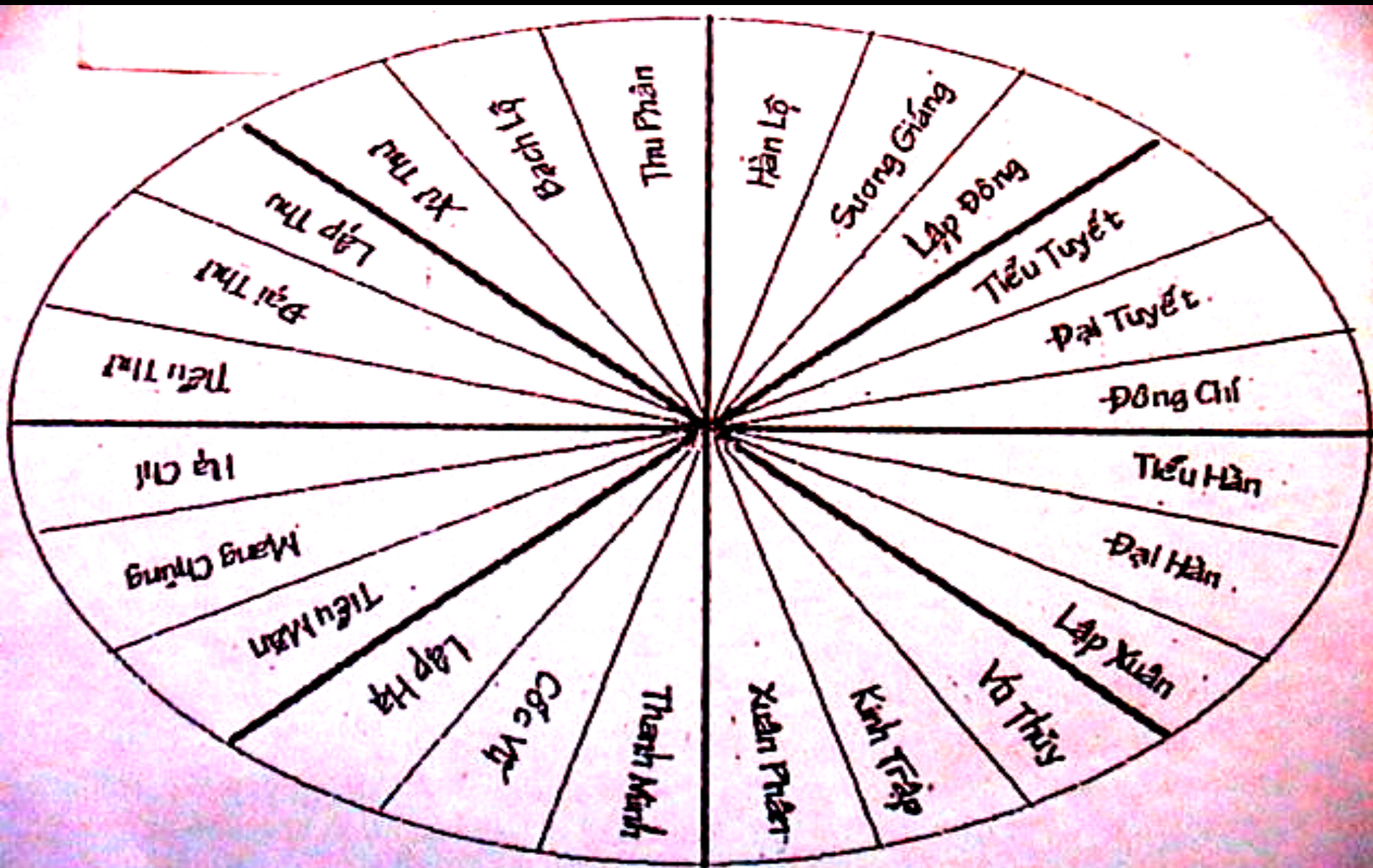
- ❑ 1 tháng có ngày sóc, ngày vọng
- ❑ 1 tháng tượng trăng thay đổi theo ngày => 1 lần trăng tròn với chu kỳ 29,53 ngày

LỊCH ÂM DƯƠNG

24 tiết theo Dương lịch

Các ngày và tháng theo âm lịch

24 tiết thuộc khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới



4/02	315°	Lập xuân (đầu xuân)	20/02	330°	Vũ thủy (ẩm ướt)
6/03	345°	Kinh trập (sâu nở)	21/03	0°	Xuân phân (giữa xuân)
3/04	15°	Thanh minh (trong sáng)	21/04	30°	Cốc vũ (mưa rào)
6/05	45°	Lập hạ (đầu hè)	22/05	60°	Tiểu mãn (lúa xanh)
6/06	75°	Mang chủng (lúa trổ)	22/06	90°	Hạ chí (giữa hè)
8/07	105°	Tiểu thử (nắng vừa)	23/07	120°	Đại thử (nắng to)
8/08	135°	Lập thu (đầu thu)	24/08	150°	Xử thử (mưa ngâu)
8/09	165°	Bạch lộ (nắng yếu)	23/09	180°	Thu phân (giữa thu)
8/10	195°	Hàn lộ (mát mẻ)	24/10	210°	Sương giáng
8/11	225°	Lập đông (đầu đông)	23/11	240°	Tiểu tuyết (tuyết nhẹ)
8/12	255°	Đại tuyết (tuyết nhiều)	22/12	270°	Đông chí (giữa đông)
6/01	285°	Tiểu hàn (chớm lạnh)	21/01	310°	Đại hàn (lạnh giá)

HỆ ĐẾM CAN CHI

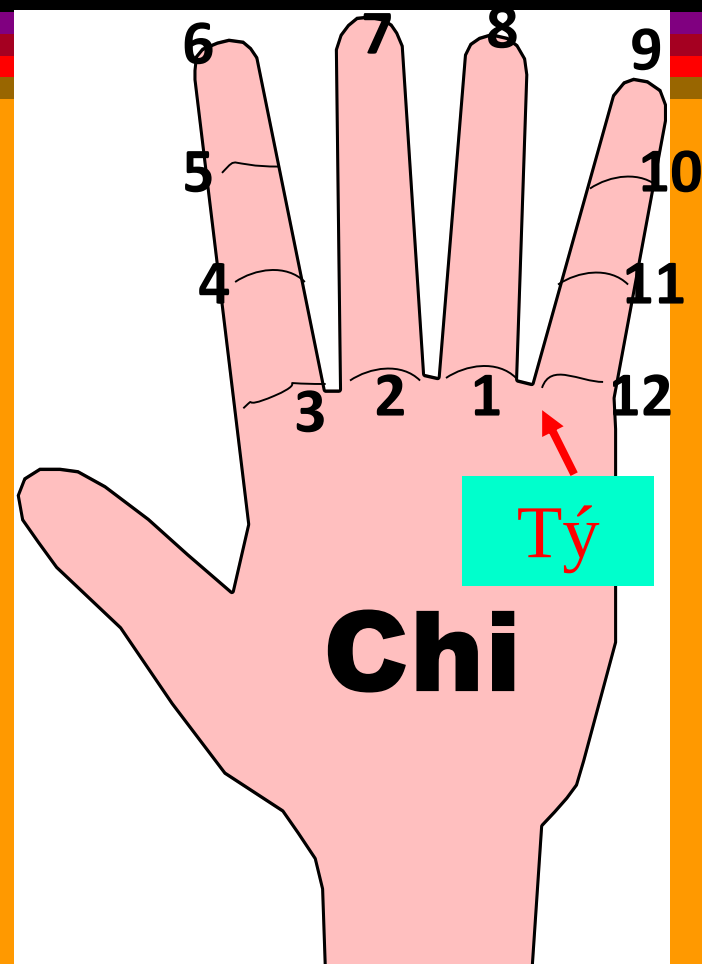
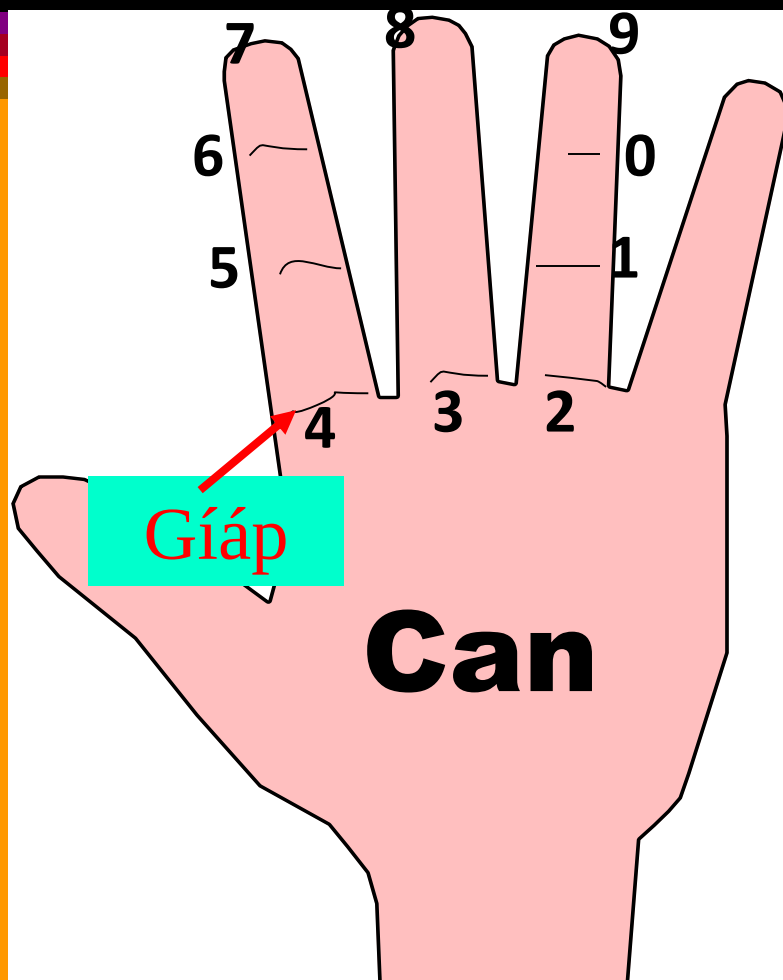
▣ Thập thiên Can thuộc dương

Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
4	5	6	7	8	9	0	1	2	3

▣ Thập nhị địa Chi thuộc âm

Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Can chi trên bàn tay trái



❑ **Đổi năm Dương lịch → năm Can Chi**

$$C = d[(D-3):12]$$

$$C = d[(D-3):60]$$

- ❑ **C = năm Can-Chi**
- ❑ **D = năm Dương lịch**
- ❑ **d = số dư của phép chia**

Bảng kết hợp can chi

Chi \ Can	Tí +	S —	Dần, M + —	Thìn, Tỵ + —	Ngọ, M + —	Thân, D + —	Tuất, H + —
Giáp +	1		51	41	31	21	11
Ất —		2		42	32	22	12
Bính +	13		3	53	43	33	23
Đinh —		14		54	44	34	24
Mậu +	25		15	5	55	45	35
Kỷ —		26		6	56	46	36
Canh +	37		27	17	7	57	47
Tân —		38		18	8	58	48
Nhâm +	49		39	29	19	9	59
Quý —		50		30	20	10	60

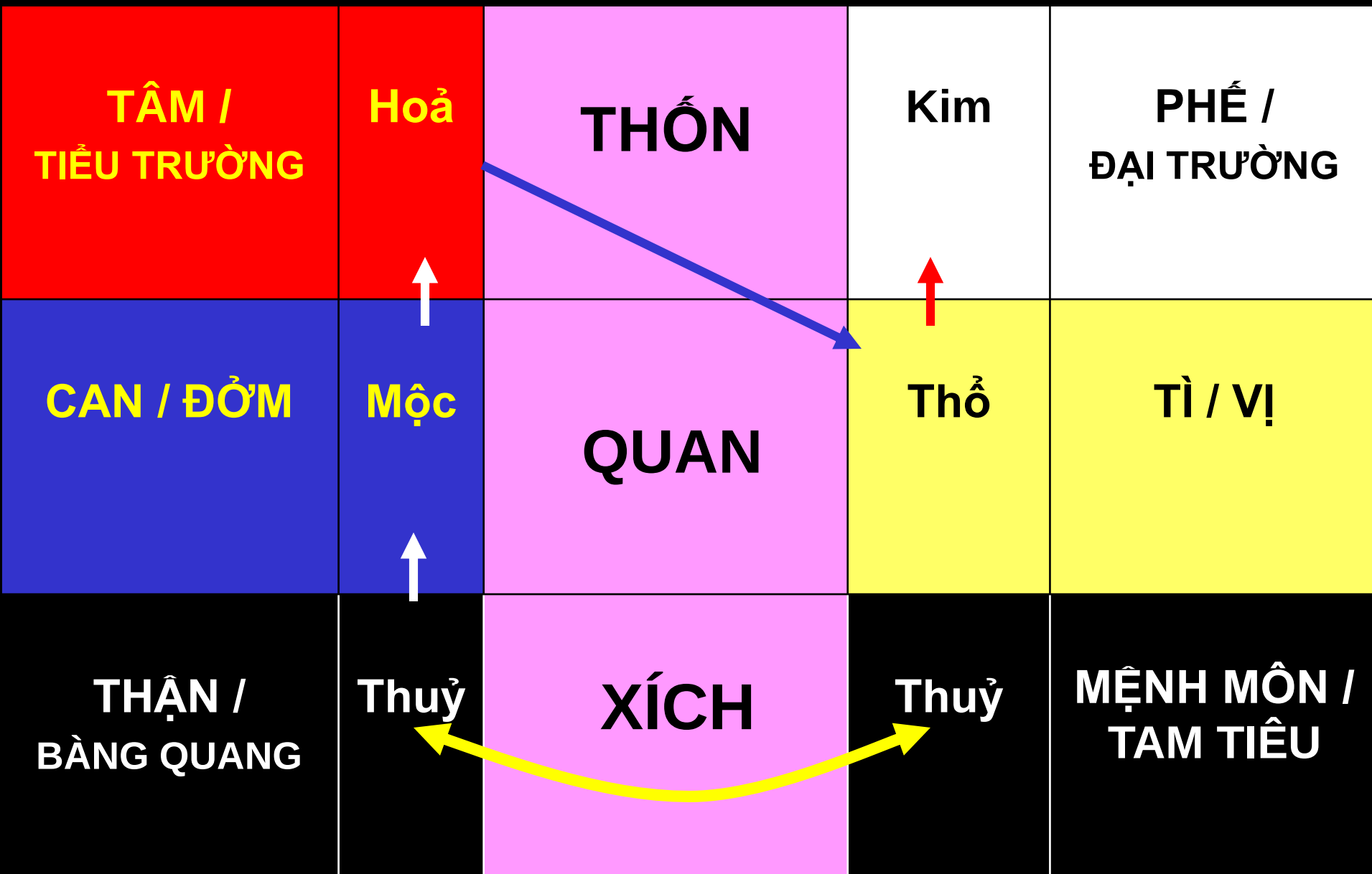
*** Ban có biết ?**

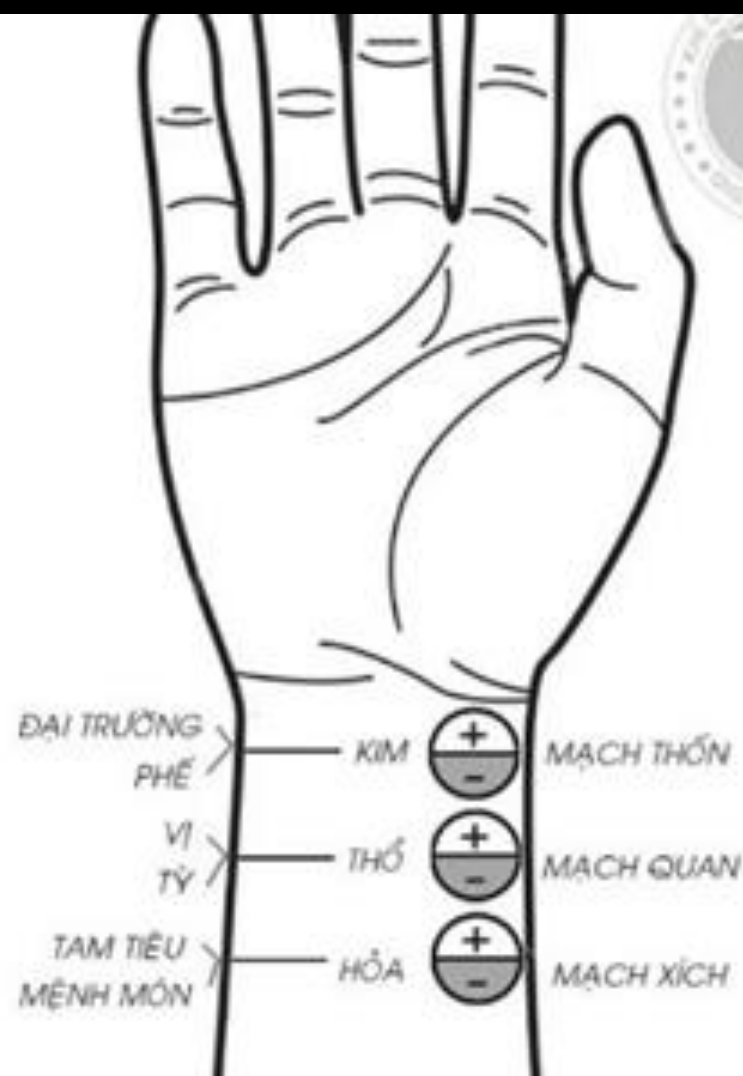
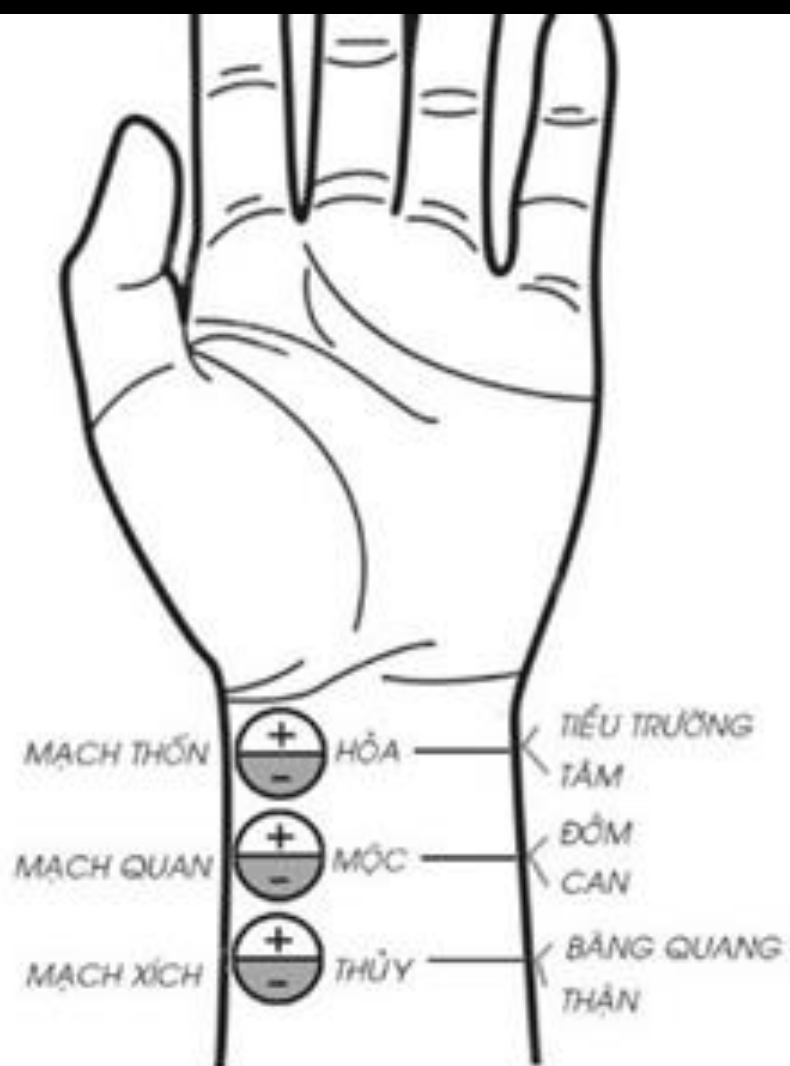
**Trước khi Dương lịch (phương Tây)
xuất hiện ở Việt Nam,
cha ông ta tính và đếm thời gian
như thế nào ?**

Nhận thức con người tự nhiên (theo Âm Dương và Ngũ hành)

Ngũ Hành cơ thể	THỦY	MỘC	HOẢ	THỔ	KIM
Tạng (-)	thận	can	tâm	tỳ	phế
Phủ (+)	bàng quang	đờm	tiểu trường	vị	đại trường
Chủ quản	xương, tuỷ	gân	huyết, mạch	thịt	khí
Phần dư	răng	móng	tóc		
Khai khiếu	tai	mắt	lưỡi	miệng	da lông
Tình chí	sợ / rên	giận / la hét	mừng / hát	lo lắng / bần thần	thương / khóc

Bộ mạch theo Ngũ Hành





Triết lí hiện đại: Học thuyết Mác

- ❑ **Xem lại học phần**
- ❑ **“Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin”**

* Nguồn gốc:

Tiền đề khoa học	Thuyết bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
	Thuyết tiến hóa của Đác Uyn
	Thuyết tế bào học
Tiền đề lí luận	Triết học Đức, phép biện chứng của Hê ghen

* Nội dung:

- Nhận thức thế giới tự nhiên
- Nhận thức lịch sử xã hội
- Nhận thức con người
- Nhận thức về kinh tế

NHẬN THỨC SIÊU NGHIỆM

*** Lĩnh vực: Tín ngưỡng và Tôn giáo**

*** Bản chất thần thánh, niềm tin**

TÍN NGŨỜNG

Loại hình Tiêu chí	Tín ngưỡng	Tôn giáo
Thời gian xuất hiện	Xã hội chưa có giai cấp.	Xã hội xuất hiện giai cấp.
Hình thức tổ chức.	Giản đơn: thờ vật tổ, tôtem.	Có tính hệ thống: Minh chủ, giáo lý, nghi thức, truyền bá, tôn chỉ, mục đích.
Nội dung, tính chất	Niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, siêu nhân.	Hệ quan điểm về thế giới và con người.
Ảnh hưởng	Lan truyền trong cộng đồng theo lối cảm tính do trình độ nhận thức thấp. Thông qua thần linh, ma quỷ.	Giác ngộ từng cá nhân. Mức độ ảnh hưởng tùy vào trình độ và nhận thức của từng đối tượng. Thông qua sự thần thánh hoá các minh chủ (=> hiện tượng đảo cực giai cấp).

Các hình thức tín ngưỡng

□ Tín ngưỡng phồn thực

Tôn thờ thế lực siêu nhiên chủ quản về sinh sôi nảy nở: sinh thực khí + hành vi giao phối

□ Tín ngưỡng tôn thờ lực lượng tự nhiên

Tôn thờ các hiện tượng tự nhiên được thần linh hoá: núi, sông, biển, mây, gió, ...

□ Tín ngưỡng tôn thờ người chết

Tôn thờ linh hồn, lăng mộ những người đời thường nhưng đã được thiêng hoá sau khi chết

TÔN GIÁO

CÁC TÔN GIÁO NGOẠI NHẬP

- ❖ Đạo giáo
- ❖ Nho giáo
- ❖ Phật giáo
- ❖ Bà la môn giáo
- ❖ Ki tô giáo

CÁC TÔN GIÁO NỘI SINH

(DUNG HỢP - SÁNG TẠO – THỰC TẾ)

- ❖ **Phật giáo Trúc Lâm**
- ❖ **Cao Đài, Hoà Hảo ...**

Về mình chủ tôn giáo

- Tự nhận thức về mình -> nhận thức xã hội
- Tự rèn luyện, học tập -> “chẩn đoán” xã hội

□ Tìm được:

** Nguyên nhân của những vấn đề xã hội*

** Cách giải quyết vấn đề xã hội bằng nhân văn*

=> Có tác động xã hội tích cực => được đề cao

Sau khi mất : Triết gia -> Thánh thần

*Nhận thức siêu nghiệm tin vào quyền năng của Thánh thần.
Điều gì con người không làm được thì Thánh thần làm được.*

Bình diện Tôn giáo	Tư tưởng chính thống	Giáo lý (nguyên thủy và biên soạn)
Đạo giáo	Sống và hành động thuận theo tự nhiên. (Theo lễ Âm Dương, quan niệm Vô vi, Tử, Kiêm, Vô tranh)	Đạo tạng
Nho giáo	Thực thi chính danh. Nhân trị làm gốc, pháp trị để an dân. Xây dựng Tam cương, Ngũ luân, Tam tông, Tứ đức.	Tứ thư, Lục (ngũ) kinh
Phật giáo	Giác ngộ (Nhận ra sự Vô minh dẫn đến ái dục làm con người khổ => Muốn giải thoát phải diệt dục)	Tam tạng (Tứ diệu đế, thuyết nhân duyên, sắc không, ...)
Ki tô giáo	Lễ sống thương yêu và tha thứ.	Kinh Cựu ước và Tân ước.

❓ Bạn có biết vì sao

**người phương Đông coi trọng/tổ chức
ngày giỗ**

■ ■ ■

**người phương Tây coi trọng/tổ chức
ngày sinh?**

PHONG TỤC & LỄ HỘI

PHONG TỤC

Phong tục & tập quán

- Phong tục là những quy ước chung về các nguyên tắc ứng xử giữa người với người, người với tự nhiên được cả cộng đồng chấp nhận và trở thành ý thức tự giác của mọi người.
- Phong tục được lặp đi lặp lại (qua thói quen sinh hoạt hàng ngày của các thành viên của cộng đồng) thì gọi là tập quán

Đặc điểm phong tục Việt Nam

- Phong tục hôn nhân thể hiện sự hòa quyện giữa tín ngưỡng phồn thực và triết lý Âm Dương.
- Phong tục tang ma thể hiện rõ nhận thức triết lý Âm Dương
- Phong tục lễ hội truyền thống Việt Nam thể hiện sự hòa quyện giữa tín ngưỡng, tôn giáo và triết lý Âm Dương.
- ...

Những tập quán thể hiện phong tục Việt Nam

➤ **Mỹ tục**

➤ **Hủ tục**

LỄ HỘI

*** Khái niệm lễ hội**

*** Các loại lễ hội truyền thống**

Lễ hội nghề nghiệp

Lễ hội kỉ niệm các anh hùng dân tộc

Lễ hội tôn giáo

Khái niệm lễ hội

- * Lễ hội dùng để chỉ một hiện tượng sinh hoạt gồm nhiều thành tố tham gia có tính tổng hợp.
- * Lễ hội là tổ hợp có hàm ý chỉ phần lễ và phần hội nhưng cũng có thể chỉ có một trong hai phần đó.
- Lễ là hệ thống nghi thức cúng bái chặt chẽ, ổn định được xây dựng theo quy ước của mỗi làng.
- Hội là hoạt động diễn ra sau phần lễ, khởi đầu bằng đám rước.

Lễ hội nghề nghiệp

- nhằm tôn vinh nghề nghiệp
- ca ngợi công đức của các bậc tổ nghề nghiệp (còn gọi là Tổ sư, Thánh sư),
- cầu mong cho nghề phát triển, thịnh vượng
- thể hiện đạo lí uống nước nhớ nguồn

Lễ hội kỉ niệm các anh hùng dân tộc

- nhằm tái dựng những hiện tượng, sự kiện, gắn với những nhân vật lịch sử có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của cộng đồng.
- lễ hội được tổ chức hàng năm như: Lễ hội đền Hùng, lễ hội Hai Bà Trưng, Lễ hội Thánh Gióng...

Lễ hội tôn giáo

- nhằm đề cao lực lượng thần thánh đại diện cho cái thiện (có vị trí đặc biệt trong đời sống tâm linh của người dân)
- lễ hội hướng cộng đồng đến chân, thiện, mỹ, mong ước có được cuộc sống an lành.

ĐẶC ĐIỂM LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

- ❑ Sản phẩm của tập thể -> Tập hợp nhiều thành tố, thể hiện sắc diện văn hoá bản mường, phum sóc, làng xã, là sự biểu hiện sinh động văn hoá địa phương.
- ❑ Kết tinh sự sáng tạo của dân chúng.
- ❑ Thể hiện đời sống tâm linh, ước muốn và nguyện vọng của cả cộng đồng.
- ❑ Phô diễn tiềm năng kinh tế của làng xã; bộc lộ trí tuệ, tài hoa của tập thể; phát hiện người có tài, người có tâm với làng xã.
- ❑ Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí.

Ý nghĩa lễ hội truyền thống

- Giáo dục truyền thống “Uống nước..., tinh thần tôn trọng lịch sử
- Giữ gìn nề nếp làng xã, bản sắc địa phương, vùng miền.
- Cổ kết cộng đồng dân tộc (chống đồng hoá, mất gốc)
- Cũng có niềm tin của dân làng
- Đem lại sinh khí mới cho năm tới

Các trò chơi truyền thống

Trò chơi: hoạt động giải trí có tính nghệ thuật và tính nhân văn được hình thành và lưu truyền trong dân chúng

Các nhóm trò chơi

(Nhóm trò chơi cùng mục đích, ý nghĩa)

- Trò chơi thể lực (sức mạnh + khéo léo)
- Trò chơi trí tuệ
- Trò chơi tạo tác
- Trò chơi huấn luyện vật thể thi đấu
- Trò chơi diễn xướng

Trò chơi thể lực

(Tập sức mạnh và sự nhanh nhẹn, khéo léo)

- Tập sức mạnh:

**kéo co, đá cầu, cướp cờ,
đẩy gậy, đấu vật, vật tay, đua
ghe, ...**

- Tập sự nhanh nhẹn, khéo léo:

**Đánh đánh bi, đánh đáo,
đánh quay, đánh khăng, chuyền
banh, thi nấu cơm, đánh đu,
tung còn, chạy xổ kim, đi cà
kheo, câu pháo ...**

Trò chơi trí tuệ

(Tập tính toán và tư duy phán đoán)

Đánh cờ, chơi ô ăn quan, bịt mắt bắt dê, trốn tìm ...

Trò chơi tạo tác

(Tập kỹ năng tạo ra sản phẩm văn hoá)

**làm pháo đất, làm kèn lá,
làm chong chóng, làm
diều, làm lồng đèn, làm
tò he, cây cảnh, đá cảnh,
chim cảnh, hoa cảnh ...**

Trò chơi huấn luyện vật để thi đấu

(Kĩ năng thuần hoá, điều khiển thú vật)

**chọi gà, đua bò,
chọi trâu, đua voi**

...

Trò chơi diễn xướng

(Tập kỹ năng diễn xướng)

Chi chi chành chành
Tập tầm vông
Rồng rắn lên mây
Kéo cưa lừa xẻ
Đố chữ ...

GIÁ TRỊ CỦA CÁC TRÒ CHƠI DÂN GIAN VIỆT NAM?